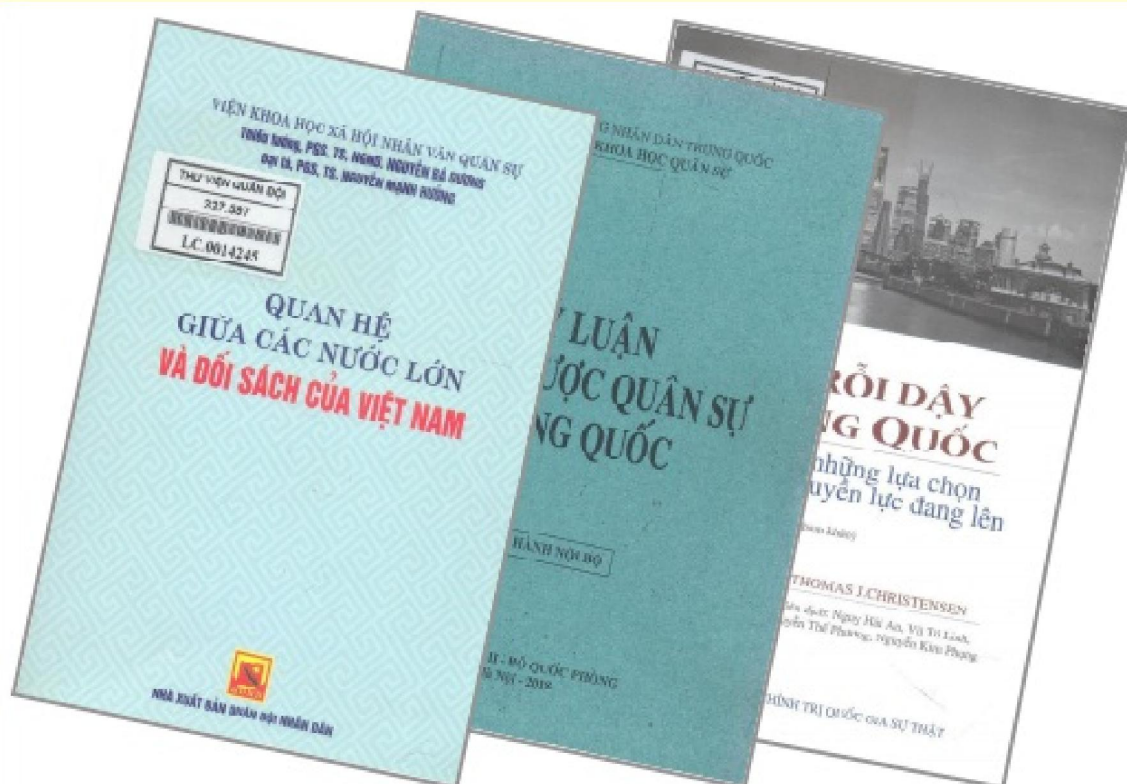




TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ
THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI

- 080 -



THU MỤC THÔNG BÁO TÀI LIỆU MỚI

SỐ $\frac{2}{2018}$

Chỉ đạo nội dung:
Đại tá, Thạc sỹ Trần Thị Bích Huệ

Thực hiện:
Thiếu tá, Thạc sỹ Trần Nữ Quế Phương
Thiếu tá CN Nguyễn Thị Thu Hà
Trung úy CN Bùi Khắc Phúc

Lời giới thiệu

Nhằm giúp bạn đọc nắm được nguồn tài liệu mới nhập về Thư viện Quân đội, chúng tôi biên soạn và cấp phát đến các thư viện trong toàn quân “**Thư mục thông báo tài liệu mới**” số 2 - 2018.

Thư mục TBTLM gồm 2 phần:

- Phần I: Thông báo tài liệu mới: giới thiệu sách quốc văn mới nhập về Thư viện Quân đội.

- Phần II: Điểm sách.

Tài liệu trong Thư mục được sắp xếp theo nội dung và ngôn ngữ.

Thư viện Quân đội rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng nghiệp và bạn đọc.

Mọi ý kiến xin gửi về:

PHÒNG THÔNG TIN - THƯ MỤC - MÁY TÍNH

THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI

83 Lý Nam Đế - Hà Nội

Điện thoại: 024.38230771 - 069.554556

Website: <http://tvqd.bqp>

Email: Thuvienquandoi@mail.bqp & Tvqd@tttt.bqp.vn

THÔNG BÁO TÀI LIỆU MỚI số 2/2018 giới thiệu 414 tài liệu, bằng ngôn ngữ tiếng Việt được phân chia theo các nhóm ngành như sau:

- Tổng quát: 04 tài liệu
- Triết học và tâm lí học: 05 tài liệu
- Khoa học xã hội: 136 tài liệu
- Quân sự: 124 tài liệu
- Ngôn ngữ học: 01 tài liệu
- Khoa học: 05 tài liệu
- Công nghệ: 22 tài liệu
- Nghệ thuật: 16 tài liệu
- Văn học và tu từ học: 61 tài liệu
- Lịch sử và địa lý: 40 tài liệu

PHẦN I: THÔNG BÁO TÀI LIỆU MỚI

0 - TỔNG QUÁT

1. *Giáo trình Tiếng Việt chuyên ngành thông tin.* : Dùng cho đào tạo kỹ sư quân sự nước ngoài trình độ đại học/ *Phan Thị Thùy An chủ biên, Nguyễn Thị Hoài Thu.*- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 128tr.; 27cm.

004.0711/DT.0000148 - DT.0000149; M.0168632 - M.0168633; MP.0030989 - MP.0030990

2. *11 bí quyết để thành nhà báo giỏi.* / *Nguyễn Quang Hòa.*- H.: Thông tin và truyền thông, 2017. - 322tr.; 21cm.

070.44 + 070.44/DT.0000138; M.0168588 - M.0168589; MP.0030960 - MP.0030961

3. *Sách trắng công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam 2017.* : Thông tin và số liệu thống kê.- H.: Thông tin và truyền thông, 2017. - 78tr.; 24cm.

004.021/M.0168558 - M.0168559; MP.0030930 - MP.0030931; V.0016121 - V.0016122

4. *Tin học ứng dụng và an toàn mạng máy tính.* : Dùng cho đào tạo trung cấp kỹ thuật thông tin.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 125tr.; 29cm.

004/M.0168601

1 - TRIẾT HỌC VÀ TÂM LÝ HỌC

5. *Giáo trình lịch sử triết học.* : Dùng cho đào tạo cán bộ chính trị cấp phân đội, bậc đại học.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 278tr.; 27cm.

109/M.0168482 - M.0168483; MP.0030832; V.0016081 - V.0016082

6. *Làm thế nào giải quyết mọi vấn đề - Biến những vấn đề nan giải thành quyết định sáng suốt.* : How to solve almost any problem - Turning tricky problems into wise decisions/ *Alan Barker; Ng.dịch: Yến Phương.*- TP. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2017. - 406tr.; 21cm.

153.43/DT.0000086; M.0168421 - M.0168422; MP.0030773 - MP.0030774

7. *Một số tác phẩm của Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng.* : Tuyển chọn, giới thiệu.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 220tr.; 21cm.

172.1/.0078950 - .0078951; DT.0000059 - DT.0000060 - DT.0000061 - DT.0000062; M.0168368 - M.0168369; MP.0030716 - MP.0030717

8. *Triết học Việt Nam.* / *Nguyễn Hùng Hậu.*- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 411tr.; 21cm.

181.197/.0078912 - .0078913; M.0168267 - M.0168268; MP.0030627 - MP.0030628

9. Vấn đề phát triển giá trị đạo đức của học viên sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay. : Sách chuyên khảo/ Đoàn Quốc Thái.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 206tr.; 20cm.

174.9355/LC.0014266 - LC.0014267

3 - KHOA HỌC XÃ HỘI

30 –Xã hội học, nhân loại học và dân tộc học

10. Giáo trình cơ sở văn hóa Việt Nam. : Dành cho đào tạo cán bộ chính trị cấp phân đội, bậc đại học/ Lê Duy Thắng chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 154tr.; 27cm.

306.095970711/M.0168484 - M.0168485; MP.0030833; V.0016083 - V.0016084

11. Một số vấn đề cơ bản về giới và bình đẳng giới, công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới trong Bộ Quốc phòng. / Đinh Quốc Triệu chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 186tr.; 24cm.

Lưu hành nội bộ

305.4209597/.0079068 - .0079069; DT.0000120; MP.0030912 - MP.0030913

12. Những biến động trong đời sống tôn giáo hiện nay và tác động của nó đến lối sống người Việt. : Sách tham khảo/ Đỗ Lan Hiền.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 379tr.; 24cm.

306.6/M.0168442 - M.0168443; MP.0030794 - MP.0030795; V.0016067 -

V.0016068

13. Quan hệ Việt Nam - Ấn Độ trên lĩnh vực văn hóa. / Lê Văn Toan.- H.: Thông tin và truyền thông, 2017. - 348tr.; 24cm.

306.09597/M.0168544 - M.0168545; MP.0030916 - MP.0030917; V.0016107 -

V.0016108

14. Tiếp bước người đi trước. / Phạm Phương Thảo.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 282tr.; 21cm.

305.3109597/DT.0000045 - DT.0000046; M.0168340 - M.0168341; MP.0030694 -

MP.0030695

15. Trí thức và công tác trí thức của Đảng trong thời kỳ đổi mới. / Nguyễn Thắng Lợi.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 252tr.; 21cm.

305.52209597/.0078948 - .0078949; M.0168370 - M.0168371; MP.0030714 -

MP.0030715

16. Triết học nữ quyền - Lý thuyết triết học về công bằng xã hội cho phụ nữ. / Nguyễn Thị Nga chủ biên.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 236tr.; 21cm.

305.4201/.0078958 - .0078959; M.0168360 - M.0168361; MP.0030722 -

MP.0030723

17. Truyền thông - Lý thuyết và kỹ năng cơ bản. / Nguyễn Văn Dũng, Đỗ Thị Thu Hằng.- H.: Thông tin và truyền thông, 2018. - 369tr.; 21cm.

302.23 + 302.23/DT.0000130;M.0168574 - M.0168575; MP.0030946 - MP.0030947

18. *Từ điển văn hóa, lịch sử Việt Nam.* / Nguyễn Như Ý.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 1367tr.; 24cm.

306.03/M.0168243 - M.0168244;V.0016028 - V.0016029

19. *Văn hóa giao thông.* / Hoàng Chương.- H.: Thông tin và truyền thông, 2018. - 299tr.; 21cm.

306.409597 + 306.409597/.0079080 - .0079081; M.0168582 - M.0168583; MP.0030954 - MP.0030955

20. *Xây dựng xã hội học tập.* : Cách tiếp cận mới cho tăng trưởng, phát triển và tiến bộ xã hội/ Joseph E. Stiglitz, Bruce C. Greenwald.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 555tr.; 24cm.

306.43/M.0168255 - M.0168256; MP.0030615 - MP.0030616; V.0016036 - V.0016037

32 – Chính trị

21. *An ninh biển khu vực Đông Nam Á.* / Hoàng Kim Trường.- H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự, 2017. - 94Tr.

327.59/T.0023775

22. *An ninh môi trường và hòa bình ở Biển Đông.* / Nguyễn Chu Hồi, Vũ Hải Đăng.- H.: Thông tin và truyền thông, 2016. - 253tr.; 21cm.

327.170916472 + 327.170916472/.0079076 - 0.0079077; M.0168576 - M.0168577;MP.0030948 - MP.0030949

23. *Báo cáo mật của tổng thống - Chuyện chưa kể về các báo cáo tình báo vẫn tắt gửi đến các tổng thống Mỹ.* : Sách tham khảo/ David Priess ; Ng.dịch: Mạnh Chương.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 597tr.; 24cm.

327.12373/M.0168295 - M.0168296;MP.0030651 - MP.0030652; V.0016050 - V.0016051

24. *Các nhà ngoại giao trong lịch sử dân tộc.* / Vũ Dương Huân. - Tái bản lần thứ 1 có sửa chữa.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 164tr.; 21cm.

327.597/.0078986 - .0078987;M.0168478 - M.0168479; MP.0030828 - MP.0030829

25. *Châu Á - TBD trong chính sách của các nước lớn.* / Hoàng Kim Trường.- H., 2017: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 206tr.

327/T.0023817

26. *Chiến lược biển đông và ý đồ của Trung quốc trên biển đông.* / Đặng Thanh Huyền.- 2017; H: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 135tr.

327.0951/T.0023822

27. Chiến lược "Diễn biến hòa bình" - Nhận diện và đấu tranh. .- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 246tr.; 20cm.

T.7.- 2017

320.4597/LC.0014280 - LC.0014281

28. Chiến tranh lai ghép - Một sự phát triển mới. .- H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự, 2017. - 61tr.

327.1/T.0023771

29. Chính sách đối ngoại của tân chính phủ Đức. / *Vũ Cao Định*.- 2017; H.: Thông tấn xã Việt Nam. - 93tr.

327.10943/T.0023807

30. Chính sách ngoại giao kinh tế mới ở châu Á: trường hợp Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc. / *Dương Quốc Chính*.- 2017; H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 62tr.

327.111095/T.0023812

31. Chính trị học: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn. .- Tái bản lần 1.- H.: Quân đội nhân dân, 2013. - 526tr.; 20cm.

320.9597/.0079089

32. Công tác Đảng, công tác chính trị trong bảo đảm hóa học tác chiến khu vực phòng thủ tỉnh trên địa bàn biên giới phía bắc. : Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Văn Biên chủ biên*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 186tr.; 21cm.

324.2597075/.0079056 - .0079057;M.0168536 - M.0168537;MP.0030902

33. Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng. : Tài liệu nghiệp vụ dùng cho cấp trên cơ sở.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 556tr.; 21cm.

324.2597075/.0078952 - .0078953;M.0168366 - M.0168367;MP.0030718 - MP.0030719

34. Đại hội 19 của Đảng Cộng sản Trung Quốc và tương lai chính trị Trung Quốc. / *Vũ Cao Định biên soạn*.- 2017; H.: Trung Tâm Thông tin khoa học quân sự. - 121tr.

324.251075/T.0023810

35. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo quân đội nhân dân Việt Nam về chính trị trong cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược (1945-1954). : Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Hoàng Nhiên*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 234tr.; 20cm.

324.259707509/LC.0014242 - LC.0014243, LC.0014402 - LC.0014403

36. Đảng lãnh đạo xây dựng, phát huy sức mạng hậu phương miền Bắc (1965-1972). : Sách chuyên khảo/ *Đặng Thị Thanh Trâm*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 247tr.; 20cm.

324.2597075/LC.0014246 - LC.0014247

37. Đấu tranh chống quan điểm, luận điệu xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. .- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 543tr.; 24cm.

324.2597075/M.0168283 - M.0168284;MP.0030641 - MP.0030642;V.0016044 - V.0016045

38. *Độ sức chiến lược biển Đông Trung - Mỹ: tiêu điểm, nguồn gốc và xu hướng phát triển*. : Tập chí: " Nghiên cứu an ninh và biển Châu á - Thái Bình Dương".- 2017; H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 89tr.

327.51073/T.0023806

39. *Đối ngoại đa phương Việt Nam trong thời kỳ chủ động và tích cực hội nhập quốc tế*. : Sách tham khảo/ *Lê Hoài Trung chủ biên*.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 245tr.; 21cm.

327.597/.0078926 - .0078927;M.0168293 - M.0168294; MP.0030649 - MP.0030650

40. *Đông Nam Á trong sự cạnh tranh của các nước lớn*. / *Nguyễn Đức Dục*.- 2017; H: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 85tr.

327.10959/T.0023821

41. *Giữ vững độc lập, tự chủ trong hội nhập quốc tế*. / *Vũ Văn Hiền*.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 550tr.; 24cm.

324.2597075/M.0168261 - M.0168262;MP.0030621 - MP.0030622;V.0016038 - V.0016039

42. *Kế hoạch tổng thể xây dựng cộng đồng chính trị an ninh ASEAN*. / *Đoàn Huy Khoa*.- 2017; H.: Viện Chiến lược quốc phòng. - 29tr.

327.10959/T.0023829

43. *Khái niệm ngoại giao và bố cục chiến lược quốc tế của Trung Quốc*. .- 2017; H.: Thông tấn xã Việt Nam. - 61tr.

327.20951/T.0023805

44. *Kịch bản nào cho cuộc khủng hoảng vùng Vịnh*. / *Vũ Cao Định*.- 2017; H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 109tr.

327.0953/T.0023818

45. *Lịch sử Đảng bộ binh chủng đặc công (1967-2017)*. : Lưu hành nội bộ.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 635tr.: +phụ lục; 21cm.

Lưu hành nội bộ

324.2597075/.0079006 - .0079007; DT.0000101; MP.0030852 - MP.0030853

46. *Lịch sử Đảng bộ Cục Xe - Máy (1955-2015)*. .- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 579tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

324.2597075/.0079002 - .0079003; DT.0000099; MP.0030848 - MP.0030849

47. *Lịch sử Đảng bộ phường Bến Nghé 1930-2010*. .- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 252tr.; 21cm.

324.25970750959779/.0078998 - .0078999;M.0168496 - M.0168497;MP.0030845

48. Lịch sử đảng bộ phường Tân Định 1930 - 2010. / Lê Tiến Sĩ chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 266tr.; 21cm.

324.25970750959779/.0079060 - .0079061; DT.0000116; MP.0030904 - MP.0030905

49. Lịch sử đảng bộ Tập đoàn Viễn thông Quân đội (1990-2015). - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 518tr.; 22cm.

Lưu hành nội bộ

324.2597075/.0079018 - .0079019;DT.0000109;MP.0030874 - MP.0030875

50. Lịch sử truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Phường 6, quận Tân Bình (1930-2015). - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 278tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

324.25970750959779/.0079024 - .0079025; DT.0000112; MP.0030880 - MP.0030881

51. Lịch sử truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Phường 7, quận Tân Bình (1930-2015). - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 266tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

324.25970750959779/.0079028 - .0079029; DT.0000114; MP.0030884 - MP.0030885

52. Một số biện pháp phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của đội ngũ đảng viên là học viên đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội trình độ đại học ở Học viện Hậu cần. / Nguyễn Thanh Hùng.- H.: Học viện Hậu cần, 2017. - 61tr.; 30cm + + phụ lục

Phục vụ hạn chế

324.2597075/T.0023868

53. Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh. / Bùi Đình Phong.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 254tr.; 21cm.

324.2597075/.0078942 - .0078943; DT.0000049 - DT.0000050 - DT.0000051 - DT.0000052; M.0168348 - M.0168349; MP.0030702 - MP.0030703

54. Một số vấn đề lý luận về xây dựng Đảng. : Sách chuyên khảo/ Chủ biên: Tạ Thị Minh Phú, Phạm Thị Minh Thủy.- H.: Quân đội nhân dân, 2016. - 315tr.; 21cm.

324.2597075/.0079091

55. Một số vấn đề về công tác tư tưởng của Đảng. : Sách chuyên khảo/ Nguyễn Thị Thanh Bình chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2016. - 403tr.; 21cm.

324.2597075/.0079090

56. Một số vấn đề về xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay. : Sách chuyên khảo/ Phan Sỹ Thanh.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 211tr.; 20cm.

320.83095976/LC.0014238 - LC.0014239

57. 55 năm quan hệ ngoại giao Việt Nam - Lào: Nhìn lại và hướng tới. / Lê Đình Chinh.- H.: Thông tin và truyền thông, 2017. - 289tr.; 21cm.

**327.5970594 + 327.5970594/.0079074 - .0079075; M.0168572 - M.0168573;
MP.0030944 - MP.0030945**

58. Nâng cao chất lượng công tác Đảng, công tác chính trị trong giờ nghỉ, ngày nghỉ của tiểu đoàn quản lý học viên đào tạo cán bộ hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học ở Học viện Hậu cần. / Ngô Quốc Việt.- H.: Học viện Hậu cần, 2017. - 90tr.; 30cm + + phụ lục

Phục vụ hạn chế

324.2597075/T.0023872

59. Nâng cao chất lượng công tác đảng, công tác chính trị trong xây dựng chính qui ở tiểu đoàn học viên - Học viện Hậu cần. / Ngô Quốc Việt.- H.: Học viện Hậu cần, 2015. - 83tr.; 30cm + + phụ lục

Phục vụ hạn chế

324.2597075/T.0023851

60. Nâng cao chất lượng công tác tư tưởng đối với học viên đào tạo chính trị hiện nay. - H.: Quân đội nhân dân, 2013. - 134tr.; 19cm.

324.2597075/.0079096 - .0079097; DT.0000155; MP.0030996 - MP.0030997

61. Nâng cao chất lượng tiến hành công tác đảng công tác chính trị của cán bộ chính trị cấp phân đội hiện nay. / Phạm Quốc Trung.- 2017; Bắc Ninh: Trường Sĩ quan Chính trị. - 169tr.

324.2597075/T.0023783

62. Nâng cao năng lực công tác đoàn của chính trị viên ở đơn vị cơ sở trong quân đội hiện nay. / Phạm Quang Thanh.- 2017; H.: Tổng cục Chính trị. - 120tr.

324.2597014/T.0023789

63. Nga đối phó với chính sách bao vây của Mỹ và phương tây sau chiến tranh lạnh. / Dương Quốc Chính.- 2017; H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 87tr.

327.0947/T.0023813

64. Nga, Trung Quốc và trật tự thế giới mới: Lý luận và thực tiễn. : Sách tham khảo/ M. L. Titarenko, V.E Petrovski ; Ng.dịch: Lê Thanh Vạn, Nguyễn Trung.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 558tr.; 21cm.

327.47051/.0078984 - .0078985; M.0168476 - M.0168477; MP.0030826 - MP.0030827

65. Nghiên cứu công tác đảng, công tác chính trị trong bảo đảm hóa học tác chiến khu vực phòng thủ tỉnh trên địa bàn biên giới phía bắc. / Nguyễn Văn Biên.- 2017; H.: Tổng cục Chính trị. - 141tr.

324.2597075/T.0023785

66. Những nội dung cơ bản và mới trong các Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII. / Nguyễn Viết Thông.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 76tr.; 19cm.

324.2597075/.0078930 - .0078931;DT.0000022 - DT.0000023 - DT.0000024 - DT.0000025;M.0168299 - M.0168300;MP.0030655 - MP.0030656

67. Phát triển lý luận công tác đảng, công tác chính trị tác chiến trong phòng thủ quân khu trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc. / Nguyễn Quang Phát.- 2017; H.: Bộ Quốc phòng. - 193tr.

324.2597075/T.0023778

68. Phát triển lý luận công tác xây dựng đảng trong đảng bộ quân đội thời kỳ mới. / Bùi Quang Cường.- 2017; H.: Bộ Quốc Phòng. - 200tr.

324.2597075/T.0023793

69. Phê phán các quan điểm sai trái, xuyên tạc cuộc đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" về chính trị trong Đảng. - H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 518tr.; 24cm.

324.2597075/M.0168271 - M.0168272;V.0016040 - V.0016041

70. Quan hệ đặc biệt, hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào giai đoạn 1954-2017. / Lê Đình Chinh.- H.: Thông tin và truyền thông, 2017. - 344tr.; 21cm.

327.5970594 + 327.5970594/.0079078 - .0079079; M.0168578 - M.0168579;MP.0030950 - MP.0030951

71. Quan hệ giữa các nước lớn và đối sách của Việt Nam. : Sách chuyên khảo/ Nguyễn Bá Dương, Nguyễn Mạnh Hưởng.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 282tr.; 20cm.

327.597/LC.0014244 - LC.0014245

72. Quan hệ Nhật Bản - Trung Quốc Từ năm 1949 đến năm 1991. / Trần Hoàng Long.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 240tr.; 21cm.

327.51052/.0078918 - .0078919; M.0168277 - M.0168278; MP.0030635 - MP.0030636

73. Quan hệ Việt Nam - Ấn Độ trên lĩnh vực kinh tế thương mại, năng lượng. / Lê Văn Toan.- H.: Thông tin và truyền thông, 2017. - 300tr.; 24cm.

327.597054/M.0168546 - M.0168547;MP.0030918 - MP.0030919; V.0016109 - V.0016110

74. Sổ tay Bí thư đảng ủy Tiểu đoàn. : Tài liệu tham khảo dùng cho cán bộ chính trị cấp phân đội/ Vũ Cao Hội.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 170tr.; 19cm.

324.2597075/LC.0014260 - LC.0014261

75. Sự trỗi dậy của Trung Quốc - Định hình những lựa chọn đối với một quyền lực đang lên. : Sách tham khảo/ Thomas J. Christensen; Biên dịch: Ngụy Hải An, Vũ Tú Linh....- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 600tr.; 24cm.

327.51073/M.0168446 - M.0168447;MP.0030798 - MP.0030799;V.0016071 - V.0016072

76. Tài liệu bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho học viên lớp đối tượng kết nạp đảng. / Trần Hoài Trung chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 234tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

324.2597075/LC.0014258 - LC.0014259

77. Tập bài giảng chính trị học. / Lê Văn Phụng chủ biên. - Tái bản lần thứ 1.- H.: Quân đội nhân dân, 2013. - 306tr.; 21cm.

320.0711/.0079092

78. Thực hành dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền. / Phạm Văn Đức chủ biên.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 282tr.; 21cm.

323/.0078908 - .0078909;M.0168263 - M.0168264; MP.0030623 - MP.0030624

79. Tình hình ly khai dân tộc hiện nay, tác động đến Việt Nam. / Hoàng Kim Trường.- 2017; H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 75tr.

327.1/T.0023832

80. Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII. - H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 256tr.; 19cm.

324.2597075/.0078914 - .0078915;DT.0000004 - DT.0000005 - DT.0000006 - DT.0000007;M.0168269 - M.0168270; MP.0030629 - MP.0030630

81. Vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng, nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh trong tình hình mới. / Trần Minh Trường chủ biên.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 331tr.; 24cm.

327.597Chủ biên/DT.0000018 - DT.0000019 - DT.0000020 - DT.0000021;M.0168287 - M.0168288; MP.0030645 - MP.0030646;V.0016046 - V.0016047

82. Vấn đề biển đông trong chính sách châu Á - Thái Bình dương của Mỹ từ sau chiến tranh lạnh. / Nguyễn Đức Dục.- 2017; H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 88tr.

327.0973/T.0023820

83. Việt Nam - Lào: Sự gắn bó xuyên thời gian (Những nét tương đồng về chính trị, lịch sử, văn hóa từ cổ điển đến hiện đại). / Nguyễn Phương Liên.- H.: Thông tin và truyền thông, 2017. - 400tr.; 21cm.

327.5970594 + 327.5970594/.0079072 - .0079073; M.0168570 - M.0168571;MP.0030942 - MP.0030943

84. Việt Nam - Ấn Độ: Bối cảnh mới, tầm nhìn mới. / Lê Văn Toàn.- H.: Thông tin và truyền thông, 2017. - 448tr.; 24cm.

327.597054/M.0168552 - M.0168553;MP.0030924 - MP.0030925;V.0016115 - V.0016116

85. Việt Nam - Ấn Độ: 45 năm quan hệ ngoại giao và 10 năm đối tác chiến lược. : Sách tham khảo/ *Lê Văn Toan*.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 446tr.; 24cm.

327.597054/M.0168452 - M.0168453;MP.0030804 - MP.0030805;V.0016077 - V.0016078

86. Xoay trục. : Tương lai nghệ thuật lãnh đạo của Mỹ ở Châu Á/ *Kurt M. Campell*; Ng. dịch: *Nguyễn Hồng Quang, Nguyễn Văn Sánh, Nguyễn Thu Phương*....- TP. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2017. - 492tr.; 23cm.

327.5073/M.0168393 - M.0168394;MP.0030745 - MP.0030746

87. Ủy quyền lập pháp - Những vấn đề lý luận và thực tiễn. : Sách chuyên khảo/ *Tô Văn Hòa, Nguyễn Hải Ninh*.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 252tr.; 21cm.

328.37/.0078976 - .0078977;M.0168468 - M.0168469; MP.0030818 - MP.0030819

33 – Kinh tế

88. Bàn về Trung Quốc - Tiết lộ của người trong cuộc về siêu cường kinh tế mới. : Sách tham khảo/ *Henry M. Paulson*; Ng. dịch: *Vũ Hoàng Linh*....- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 646tr.; 24cm.

330.951/M.0168444 - M.0168445;MP.0030796 - MP.0030797;V.0016069 - V.0016070

89. Cách mạng công nghiệp 4.0 - Vấn đề đặt ra cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của Việt Nam. : Sách chuyên khảo/ *Trần Thị Vân Hoa chủ biên*.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 360tr.; 21cm.

338/.0078966 - .0078967;M.0168458 - M.0168459; MP.0030810 - MP.0030811

90. Cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong hội nhập FTA. / *Phạm Thị Hồng Yến*.- H.: Thông tin và truyền thông, 2017. - 242tr.; 21cm.

338.609597 + 338.609597/.0079082 - .0079083; M.0168590 - M.0168591;MP.0030962 - MP.0030963

91. Chẩn đoán tăng trưởng kinh tế Việt Nam. .- 2017; H.: Thông tin và truyền thông. - 284tr.

338.09597/T.0023833

92. Chủ nghĩa tư bản trong nền kinh tế đổi mới - Thị trường, đầu cơ và vai trò của nhà nước. : Sách tham khảo/ *William H. Janeway*.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 489tr.: 24cm.

330/M.0168303 - M.0168304;MP.0030659 - MP.0030660; V.0016052 - V.0016053

93. Công nghiệp Việt Nam - Thực trạng và giải pháp phát triển trong giai đoạn tới. / *Nguyễn Văn Phúc*.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 510tr.; 24cm.

338.09597/M.0168289 - M.0168290;V.0016048 - V.0016049

94. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và vấn đề đặt ra với Việt Nam. : Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Đắc Hưng*.- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 418tr.; 21cm.

338.09597/.0079032 - .0079033; M.0168514 - M.0168515; MP.0030888

95. Diễn đàn kinh tế Việt Nam 2018 = *Economic Forum*. : Tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững cho Việt Nam: Những thách thức và động lực mới = Vietnam toward faster and sustainable economic growth: Existing challenges and new motivations.- 2018; H.: Ban Kinh tế trung ương. - 253tr.

Tên sách ngoài bìa: Diễn đàn kinh tế Việt Nam 2018

338.09597/T.0023837

96. Định hình và phát triển nền sản xuất công nghiệp thông minh trong tương lai = *Shaping and developing smart manufacturing industries in the future*. : Tài liệu hội thảo.- 2017; H.: Ban Kinh tế trung ương. - 190tr.

338/T.0023836

97. Đôi mắt tư bản. : Giải pháp thực tiễn cho một hệ thống kinh tế hỗn loạn/ *Philip Kotler*; *Ng.dịch: Nguyễn Hằng*.- TP. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2017. - 288tr.; 23cm.

330.122/M.0168395 - M.0168396;MP.0030747 - MP.0030748

98. Kinh tế báo chí. : Sách chuyên khảo/ *Bùi Chí Trung*.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 323tr.; 21cm.

338.47079597/.0078906 - .0078907;M.0168259 - M.0168260;MP.0030619 - MP.0030620

99. Kinh tế Ấn Độ - Tiến trình tự lực, tự cường. / *Lê Văn Toan, Đỗ Đức Định*.- H.: Thông tin và truyền thông, 2017. - 448tr.; 24cm.

330.954/M.0168554 - M.0168555;MP.0030926 - MP.0030927;V.0016117 - V.0016118

100. Mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam - Thực trạng và định hướng đến năm 2030. / *Chủ biên: Ngô Thắng Lợi, Nguyễn Quỳnh Hoa*.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 304tr.; 21cm.

338.9597/.0078924 - .0078925;M.0168291 - M.0168292; MP.0030647 - MP.0030648

101. Mức độ đa dạng kinh tế của Việt Nam = *The economic complexity of Vietnam*. .- 2017; H.: Thông tin và truyền thông. - 214tr.

330.09597/T.0023834

102. Ổn định kinh tế vĩ mô động lực tăng trưởng năm 2017 = *Macroeconomic stability driving force for economic growth in 2017*. .- 2017; H.: Ban Kinh tế trung ương. - 277tr.

Tên sách ngoài bìa: Diễn đàn kinh tế Việt Nam 2017: Phát huy nội lực tăng trưởng bền vững

338.09597/T.0023838

103. Nghiên cứu giải pháp phát triển nguồn nhân lực cho công nghiệp quốc phòng nông cốt thời kỳ mới. / *Trần Thanh Chuyên*.- H.: Tổng cục Chính trị, 2013. - 111tr.; 30cm + phụ lục

Phục vụ hạn chế

338.4735509597/T.0023890

104. *Quốc gia khởi nghiệp - Câu chuyện về nền kinh tế thần kỳ của Israel.* : Dan Senor, Saul Singer ; Ng.dịch: Trí Vương.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 326tr.; 24cm.

330.95694/M.0168448 - M.0168449;MP.0030800 - MP.0030801;V.0016073 - V.0016074

105. *Sáng kiến "Vành đai, con đường" của Trung Quốc và lựa chọn của Việt Nam.* / Vũ Cao Định chủ biên.- 2017; H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 68tr.

338.951/T.0023804

106. *Việt Nam với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.* - 2017; H.: Nxb. Đại học Kinh tế Quốc dân. - 435tr.

338.09597/T.0023835

335 – Chủ nghĩa xã hội và các hệ thống liên quan

107. *Bàn về hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa.* : Sách tham khảo/ Hồng Ngân Hưng.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 292tr.; 21cm.

335.4345/.0078910 - .0078911;M.0168265 - M.0168266; MP.0030625 - MP.0030626

108. *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học.* : Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự cấp chiến thuật, chiến dịch/ Lưu Ngọc Khải chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 278tr.; 27cm.

335.423/M.0168490 - M.0168491; MP.0030836; V.0016089 - V.0016090

109. *Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin.* : Dùng cho đào tạo cán bộ chính trị cấp phân đội, bậc đại học.- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 171tr.; 27cm.

T.2.- 2018

335.40711/M.0168512 - M.0168513; MP.0030865; V.0016101 - V.0016102

110. *Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin.* : Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự cấp chiến thuật, chiến dịch.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 223tr.; 27cm.

Lưu hành nội bộ

335.40711/M.0168506 – M.0168507; MP.0030862; V.0016095 - V.0016096

111. *Giáo trình Triết học Mác-Lênin.* : Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự cấp chiến thuật, chiến dịch/ Nguyễn Hùng Oanh chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 226tr.; 27cm.

335.411/M.0168488 - M.0168489; MP.0030835; V.0016087 - V.0016088

112. *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh.* : Dùng cho đào tạo giảng viên không chuyên tư tưởng Hồ Chí Minh/ Lê Huy Bình chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 158tr.; 27cm.

335.4346/M.0168486 - M.0168487; MP.0030834; V.0016085 - V.0016086

113. *Giới thiệu quyển I bộ "Tư bản" của Các Mác.* / Đ. I. Rôdenbe. - Xuất bản lần thứ 3.- H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 672tr.; 21cm.

335.412/.0078978 - .0078979;M.0168470 - M.0168471; MP.0030820 - MP.0030821

114. Giới thiệu quyển II bộ " Tư bản " của Các Mác. / Đ. I. Rôdenbe. - Xuất bản lần thứ 3.- H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 404tr.; 21cm.

335.412/.0078980 - .0078981; M.0168472 - M.0168473; MP.0030822 - MP.0030823

115. Giới thiệu quyển III bộ " Tư bản " của Các Mác. / Đ. I. Rôdenbe. - Xuất bản lần thứ 3.- H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 640tr.; 21cm.

335.412/.0078982 - .0078983;M.0168474 - M.0168475; MP.0030824 - MP.0030825

116. Hướng dẫn học tập Chủ nghĩa Xã hội khoa học. : Dùng cho đào tạo kỹ sư Lào, Campuchia/ Chủ biên: Tô Thanh Tùng, Vũ Thị Thu Trang.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 125tr.; 27cm.

335.423/DT.0000150;M.0168634 - M.0168635; MP.0030991 - MP.0030992

34 – Pháp luật

117. Hiệu quả của pháp luật những vấn đề lý luận và thực tiễn. : Sách chuyên khảo./ Nguyễn Minh Đoan, Vũ Trọng Lâm. - Tái bản lần 2 có sửa chữa và bổ sung.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 235tr.; 21cm.

340.597/.0078904 - .0078905;M.0168257 - M.0168258; MP.0030617 - MP.0030618

118. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp - cơ sở lý luận và thực tiễn. / Chủ biên: Phan Trung Lý, Đặng Xuân Phương.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 446tr.; 24cm.

340.597/M.0168245 - M.0168246;MP.0030607 - MP.0030608;V.0016030 - V.0016031

341 – Luật giữa các quốc gia

119. Luật cơ quan đại diện nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài năm 2009, sửa đổi, bổ sung năm 2017. .- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 44tr.; 19cm.

341.3309597/.0078988 - .0078989;M.0168480 - M.0168481; MP.0030830 - MP.0030831

120. Tương lai của liên minh châu Âu. / Lê Đức Lâm.- 2017; H.: Thông tấn xã Việt Nam. - 78tr.

341.2422/T.0023823

343 – Luật quân sự, quốc phòng, tài sản công, tài chính, thuế, thương mại, công nghiệp

121. Cẩm nang pháp luật giao thông đường bộ (Luật giao thông đường bộ hiện hành (2008); Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính và hệ thống biển báo). - H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 317tr.: phụ lục; 19cm.

343.59709402632/.0078944 - .0078945;M.0168374 - M.0168375;MP.0030710 - MP.0030711

122. Một số văn bản quy định nâng bậc trình độ kỹ năng nghề của công nhân quốc phòng. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 58tr.; 19cm.

Lưu hành nội bộ

343.59701/.0079050 - .0079051;MP.0030897 - MP.0030898 - MP.0030899

344 – Luật lao động, dịch vụ xã hội, giáo dục, văn hóa

123. Luật được năm 2016 và nghị định hướng dẫn thi hành. - H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 644tr.; 21cm.

344.59704233/.0078956 - .0078957;M.0168362 - M.0168363

124. Pháp luật môi trường phục vụ phát triển bền vững ở Việt Nam. / Hoàng Thế Liên.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 760tr.; 24cm.

344.597046/M.0168247 - M.0168248;V.0016032 - V.0016033

345 – Luật hình sự

125. Luật quản lý nợ công. - H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 71tr.; 19cm.

345.970702632/.0078916 - .0078917;DT.0000008 - DT.0000009 - DT.0000010 - DT.0000011;M.0168275 - M.0168276;MP.0030633 - MP.0030634

126. Pháp luật hình sự Việt Nam trước thách thức an ninh phi truyền thống. : Sách chuyên khảo/ Trịnh Tiến Việt chủ biên.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 390tr.; 21cm.

345.597/.0078964 - .0078965;M.0168456 - M.0168457; MP.0030808 - MP.0030809

127. So sánh Luật tổ tụng hành chính năm 2015 hiện hành với Luật tổ tụng hành chính năm 2010. - Tái bản.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 334tr.; 27cm.

345.5970602638/M.0168253 - M.0168254;MP.0030613 - MP.0030614;V.0016034 - V.0016035

346 – Luật tư

128. Giáo trình pháp luật về quy hoạch và giải phóng mặt bằng. / Phan Trung Hiền chủ biên, Châu Hoàng Thân, Trần Văn Phú.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 380tr.; 24cm.

346.5970430711/M.0168354 - M.0168355;MP.0030728 - MP.0030729;V.0016064 - V.0016065

129. Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017. - H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 207tr.; 19cm.

346.59707302632/.0078922 - .0078923;M.0168285 - M.0168286;MP.0030643 - MP.0030644

130. Luật doanh nghiệp hiện hành (năm 2014) = Current law on enterprises (in 2014). : Song ngữ Việt - Anh.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 566tr.; 21cm.

346.5970702632/.0078936 - .0078937;M.0168310 - M.0168311;MP.0030665 - MP.0030666

131. *Luật lâm nghiệp*. - H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 119tr.; 19cm.
346.5970467502632/.0078932 - .0078933;DT.0000026 - DT.0000027 - DT.0000028
- DT.0000029;M.0168301 - M.0168302;MP.0030657 - MP.0030658
132. *Luật quy hoạch*. - H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 95tr.; 19cm.
346.59704502632/.0078934 - .0078935;DT.0000030 - DT.0000031 - DT.0000032 -
DT.0000033;M.0168308 - M.0168309;MP.0030663 - MP.0030664
133. *Quyền tác giả: Đường hội nhập không trải hoa hồng*. : Bình luận luật học và áp dụng vào thực tiễn/ Nguyễn Văn Nam.- TP. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2017. - 658tr.; 24cm.
346.5970482/M.0168392;MP.0030744
134. *Thủ tục giải quyết các vụ dân sự yếu tố nước ngoài theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự hiện hành (2015)*. : Sách chuyên khảo/ Vũ Thị Phương Lan.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 192tr.; 21cm.
346.5970120269/.0078928 - .0078929;M.0168297 - M.0168298;MP.0030653 -
MP.0030654

35 – Quân sự

135. *Báo cáo thường niên trước quốc hội về phát triển quân sự và an ninh của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa*. - H., 2017. - 109tr.
355.030951/T.0023769
136. *Biên niên một số trận đánh của bộ đội Pháo Phòng không (1963-1966)*. / Lê Hữu Thịnh chủ biên; Phạm Vĩnh Mạnh biên soạn.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 398tr.; 21cm.
Lưu hành nội bộ
358.4309597/.0079062 - .0079063; DT.0000117; MP.0030906 - MP.0030907
137. *Biện pháp bảo đảm chất lượng xăng dầu dự trữ sẵn sàng chiến đấu ở kho xăng dầu Lữ đoàn Công binh 575 - Quân khu I*. / Bùi Anh Dũng.- H.: Học viện Hậu cần, 2017. - 46tr.; 30cm + + phụ lục
Phục vụ hạn chế
355.41109597/T.0023883
138. *Biện pháp bảo đảm sinh hoạt tiểu đoàn bộ binh phòng ngự ở địa hình đồng bằng*. / Bùi Trung Đức.- H.: Học viện Hậu cần, 2017. - 47tr.; 30cm + + phụ lục
Phục vụ hạn chế
355.809597/T.0023877
139. *Biện pháp bảo quản, bảo dưỡng phương tiện kỹ thuật xăng dầu ở kho xăng dầu Học viện Hậu cần trong điều kiện hiện nay*. / Nguyễn Thành Nam.- H.: Học viện Hậu cần, 2017. - 48tr.; 30cm + + phụ lục
Phục vụ hạn chế
355.7509597/T.0023881

140. Biện pháp chỉ huy hậu cần sư đoàn bộ binh trong giai đoạn chuẩn bị hành quân chiến đấu. / Nguyễn Đăng Thường.- H.: Học viện Hậu cần, 2017. - 51tr.; 30cm + + phụ lục

Phục vụ hạn chế

355.41109597/T.0023856

141. Biện pháp giảm hao hụt xăng dầu trong các khâu công tác ở Kho xăng dầu 661 Cục Xăng dầu hiện nay. / Nguyễn Quốc Trình.- H.: Học viện Hậu cần, 2017. - 46tr.; 30cm + + phụ lục

Phục vụ hạn chế

355.7509597/T.0023869

142. Biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động phổ biến thông tin khoa học ở Học viện Hậu cần. / Tạ Văn Thanh.- H.: Học viện Hậu cần, 2017. - 42tr.; 30cm + + phụ lục

Phục vụ hạn chế

355.00711597/T.0023885

143. Biện pháp quản lý kinh phí nghiệp vụ ở Lữ đoàn Pháo phòng không 673 - Quân đoàn 2. / Từ Hữu Hùng.- H.: Học viện Hậu cần, 2016. - 61tr.; 30cm + + phụ lục

Phục vụ hạn chế

355.62209597/T.0023865

144. Biện pháp tăng cường kiểm soát vốn đầu tư xây dựng cơ bản ở Sư đoàn 324 - Quân khu 4. / Trần Gia Huy.- H.: Học viện Hậu cần, 2017. - 51tr.; 30cm + + phụ lục

Phục vụ hạn chế

355.6209597/T.0023864

145. Biện pháp tiết kiệm xăng dầu trong hoạt động thường xuyên ở Trung đoàn 257 - Sư đoàn 361 - Quân chủng Phòng không - Không quân. / Vũ Văn Đông.- H.: Học viện Hậu cần, 2017. - 45tr.; 30cm + + phụ lục

Phục vụ hạn chế

355.41109597/T.0023882

146. Biện pháp xác định nhu cầu vật chất và tổ chức dự trữ vật chất tiểu đoàn bộ binh phòng ngự ở địa hình rừng núi. / Nguyễn Xuân Hiếu.- H.: Học viện Hậu cần, 2017. - 45tr.; 30cm + + phụ lục

Phục vụ hạn chế

355.809597/T.0023888

147. Bộ đội biên phòng bố trí, sử dụng lực lượng quản lý, kiểm soát ở cửa khẩu quốc tế đường bộ tuyến biên giới Việt - Trung. : Sách chuyên khảo/ Nguyễn Quang Tuyền.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 170tr.; 20cm.

355.35109597/LC.0014256

148. Bộ đội biên phòng quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc trong tình hình mới. : Sách chuyên khảo/ Nguyễn Quang Thuyền.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 183tr.; 20cm.

355.35109597/LC.0014253

149. Bộ đội biên phòng tỉnh tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc. : Sách chuyên khảo/ Đỗ Văn Khương.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 163tr.; 20cm.

355.35109597/LC.0014251

150. Bộ đội biên phòng vận động ngư dân tham gia quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia trên biển khu vực miền Trung. : Sách chuyên khảo/ Vũ Hồng Khanh.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 167tr.; 20cm.

355.35109597/LC.0014250

151. Bồi dưỡng phương pháp tự học các môn khoa học xã hội, nhân văn cho học viên đào tạo cán bộ hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học ở Học viện Hậu cần hiện nay. / Tạ Việt Anh.- H.: Học viện Hậu cần, 2017. - 60tr.; 30cm + + phụ lục

Phục vụ hạn chế

355.00711597/T.0023878

152. Chiến lược an ninh quốc gia của Liên bang Nga. / Đặng Thanh Huyền.- H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự, 2017. - 46tr.

355.030947/T.0023828

153. Chính sách quốc phòng một số nước trong khu vực và trên thế giới. / Đặng Thanh Huyền.- H., 2017: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 77tr.

355.0335/T.0023815

154. Chuyển đổi quân sự chưa hoàn chỉnh của Trung Quốc: Đánh giá những điểm yếu của Quân giải phóng nhân dân (PLA). / Hoàng Kim Trường.- 2017; H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 140tr.

355.00951/T.0023824

155. Chương trình cải cách quân đội của Nga. / Hoàng Kim Trường.- 2017; H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 69tr.

355.00947/T.0023826

156. Chương trình vũ khí hạt nhân và tên lửa đường đạn của Triều Tiên và vai trò của Trung Quốc. / Đoàn Huy Khoa.- 2017; H.: Trung tâm thông tin khoa học quân sự. - 85tr.

355.825119095193/T.0023830

157. Chương trình xây dựng lực lượng quân đội Mỹ. .- H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự, 2017. - 51tr.

355.00973/T.0023774

158. Cơ cấu tổ chức lực quân và bộ tư lệnh lực quân các nước. / Đoàn Huy Khoa.- 2017;
H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 60tr.

355/T.0023811

159. Cơ sở tâm lý học nâng cao năng lực hiểu học viên trong dạy học của giảng viên đại học quân sự. : Sách chuyên khảo/ Đặng Duy Thái.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 167tr.; 20cm.

355.00711/LC.0014276 - LC.0014277

160. Cục chính trị Tổng cục kỹ thuật - Biên niên sự kiện (1974-2014). : Lưu hành nội bộ/ Trần Huy Soan chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 543tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

355.009597/.0079004 - .0079005; DT.0000100; MP.0030850 - MP.0030851

161. Dân quân tự vệ chiến đấu bám trụ. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 38tr.; 21cm.

355.3709597/.0079095

162. Địa hình quân sự Việt Nam - 70 năm truyền thống (25/9/1945 - 25/9/2015). / Biên soạn: Trần Văn Thắng, Nguyễn Hữu Thắng, Đàm Văn Phương.- H.: Quân đội nhân dân, 2015. - 70tr.; 30cm.

355.009597/DT.0000143;MP.0030968 - MP.0030969; V.0016129 - V.0016130

163. Đổi mới phương pháp dạy học môn chủ nghĩa xã hội khoa học cho đối tượng đào tạo cán bộ hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học ở Học viện Hậu cần. / Đỗ Đức Hiến.- H.: Học viện Hậu cần, 2015. - 63tr.; 30cm + + phụ lục

Phục vụ hạn chế

355.00711597/T.0023853

164. Giải pháp phát huy tính tích cực học tập môn kinh tế chính trị Mác - Lênin của học viên đào tạo cán bộ hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học ở Học viện Hậu cần. / Đào Khánh Hùng.- H.: Học viện Hậu cần, 2015. - 91tr.; 30cm + + phụ lục

Phục vụ hạn chế

355.00711597/T.0023852

165. Giải pháp xây dựng đội ngũ cán bộ hậu cần quân đội trong tình hình mới. / Đặng Nam Điền.- H.: Học viện Hậu cần, 2017. - 176tr.; 30cm + + phụ lục

Phục vụ hạn chế

355.3309597/T.0023855

166. Giáo dục truyền thống ở đơn vị cơ sở trong quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay. / Chủ biên: Dương Quang Hiến, Trần Hậu Tân.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 148tr.; 21cm.

355.309597/.0079010 - .0079011;M.0168498 - M.0168499; MP.0030856

167. Giáo trình học thuyết Mác - Lênin về chiến tranh và quân đội. : Dùng cho đào tạo cán bộ chính trị cấp trung đoàn.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 166tr.; 27cm.

Lưu hành nội bộ

168. Hoàn thiện công tác kế toán hoạt động có thu tại Học viện Hậu cần. / Tụ Tuấn Anh.- H.: Học viện Hậu cần, 2017. - 51tr.; 30cm + + phụ lục

Phục vụ hạn chế

355.62209597/T.0023863

169. Hoàn thiện công tác quản trị vật tư tại Công ty cơ khí Z179 - Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng. / Bùi Bá Chính.- H.: Học viện Hậu cần, 2017. - 55tr.; 30cm + + phụ lục

Phục vụ hạn chế

355.41109597/T.0023879

170. Hoàn thiện nội dung, phương pháp hiệp đồng hậu cần sư đoàn bộ binh tiến công vào khu vực địch phòng ngự ở địa hình rừng núi. : Luận án tiến sĩ/ Trần Ngọc Tuấn.- H.: Học viện Hậu cần, 2015. - 41tr.; 30cm + + phụ lục

Phục vụ hạn chế

355.4109597/T.0023845

171. Hoạt động nghiệp vụ trình sát của bộ đội biên phòng trong phòng, chống tội phạm ma túy ở khu vực biên giới Tây Bắc. / Nguyễn Văn Hùng.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 199tr.; 20cm.

Lưu hành nội bộ

355.35109597/LC.0014254

172. Hoạt động phát hiện và điều tra tội phạm tàng trữ, vận chuyển tiền giả của bộ đội biên phòng ở khu vực biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc. : Sách chuyên khảo/ Lê Đình Quang.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 206tr.; 20cm.

355.35109597/LC.0014255

173. Hoạt động phối hợp giữa bộ đội biên phòng với lực lượng công an trong đảm bảo an ninh, trật tự ở khu vực biên giới Việt Nam - Lào. : Sách chuyên khảo/ Vũ Hữu Hưng.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 203tr.; 20cm.

355.35109597/LC.0014252

174. Học viện Hậu cần - Biên niên sự kiện (2001-2015). - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 416tr.; 21cm.

355.00711597/.0079084 - .0079085

175. Làm thế nào để nắm chắc tình hình quân sự thế giới. / Hoàng Kim Trùng.- 2017; H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 84tr.

355/T.0023831

176. Lịch sử bộ Tổng tham mưu trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975). / Dương Văn Thụy chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 658tr.; 22cm.

Lưu hành nội bộ

T.5 : 1973-1975.- 2017

355.009597/.0079014 - .0079015; DT.0000107; MP.0030870 - MP.0030871

177. *Lịch sử kho xăng dầu 671 (1971-2016)*. : Lưu hành nội bộ.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 212tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

355.7509597/.0079008 - .0079009; DT.0000102; MP.0030854 - MP.0030855

178. *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Ba Tư (1945-2015)*. .- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 238tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

355.009597/.0079020 - .0079021; DT.0000110; MP.0030876 - MP.0030877

179. *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Ba Vì (1945-2017)*. .- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 591tr.; 24cm.

Lưu hành nội bộ

355.009597/DT.0000105;MP.0030866 - MP.0030867; V.0016103 - V.0016104

180. *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Quốc Oai (1945-2017)*. .- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 584tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

355.009597/.0078992 - .0078993; DT.0000096; MP.0030840 - MP.0030841

181. *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Thanh Phú (1945-2015)*. .- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 444tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

355.009597/.0078994 - .0078995; DT.0000097; MP.0030842 - MP.0030843

182. *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân thị xã Đồng Xoài (1945-2015)*. : Lưu hành nội bộ/*Hồ Hùng Phi chủ biên*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 416tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

355.009597/.0079000 - .0079001; DT.0000098; MP.0030846 - MP.0030847

183. *Lịch sử ngành Hậu cần Quân đoàn 2 (1974-2017)*. .- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 660tr.; 22cm.

Lưu hành nội bộ

355.809597/.0078990 - .0078991; DT.0000095; MP.0030838 - MP.0030839

184. *Lịch sử ngành thanh tra quốc phòng (1948-2018)*. .- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 426tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

355.009597/.0079026 - .0079027; DT.0000113; MP.0030882 - MP.0030883

185. *Lịch sử Sư đoàn Bộ binh 302 (1977-2017)*. .- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 366tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

356.109597/.0079064 - .0079065; DT.0000118; MP.0030908 - MP.0030909

186. *Lịch sử sư đoàn phòng không 375 (1968-2018)*. . - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 670tr.; 22cm.

Lưu hành nội bộ

355.4209/.0079012 - .0079013; DT.0000106; MP.0030868 - MP.0030869

187. *Lịch sử tham mưu Hậu cần Quân đội nhân dân Việt Nam*. . - Tái bản lần 1 có sửa chữa, bổ sung.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 418tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

355.809597/.0079030 - .0079031; DT.0000115; MP.0030886 - MP.0030887

188. *Lịch sử Trung đoàn Bộ binh 271 (1947-2017)*. . - Tái bản, có chỉnh lý, sửa đổi, bổ sung.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 454tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

356.109597/.0079066 - .0079067; DT.0000119; MP.0030910 - MP.0030911

189. *Lịch sử Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga (1988-2018)*. . - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 303tr.; 22cm.

Lưu hành nội bộ

355.009597/.0079016 - .0079017; DT.0000108; MP.0030872 - MP.0030873

190. *Lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác hậu cần quân đội*. : Luận án tiến sĩ.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 32tr.; 19cm. ++ phụ lục

Phục vụ hạn chế

355.809597/LC.0014262 - LC.0014263; M 166831 - M 166832 - M 166833

191. *Lý luận chiến lược quân sự Trung Quốc*. . - 2018; H.: Tổng cục II - Bộ Quốc phòng. - 411tr.

355.00951/T.0023802

192. *Một số biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp ở khoa Doanh Trại - Học viện Hậu cần*. / Vũ Văn Quân.- H.: Học viện Hậu cần, 2015. - 47tr.; 30cm ++ phụ lục

Phục vụ hạn chế

355.00711597/T.0023843

193. *Một số biện pháp nâng cao chất lượng luận văn cao học tài chính ngân hàng dân sự tại Học viện Hậu cần*. / Đỗ Huy Hằng.- H.: Học viện Hậu cần, 2015. - 51tr.; 30cm ++ phụ lục

Phục vụ hạn chế

355.00711597/T.0023847

194. *Một số biện pháp nâng cao chất lượng quản lý học viên tại Tiểu đoàn 5 - Học viện Hậu cần*. / Nguyễn Quốc Kỳ.- H.: Học viện Hậu cần, 2017. - 43tr.; 30cm ++ phụ lục

Phục vụ hạn chế

355.00711597/T.0023867

- 195. Một số biện pháp nâng cao chất lượng quản lý trang, thiết bị dạy học ở Học viện Hậu cần.** / Hoàng Minh Thiện.- H.: Học viện Hậu cần, 2017. - 43tr.; 30cm ++ phụ lục
Phục vụ hạn chế
355.8109597/T.0023861
- 196. Một số biện pháp tổ chức cứu chữa, vận chuyển thương binh, bệnh binh trên chốt tiêu diệt địch cơ cạm trong chiến dịch phản công.** / Bùi Văn Mạnh.- H.: Học viện Hậu cần, 2015. - 61tr.; 30cm ++ phụ lục
Phục vụ hạn chế
355.42209597/T.0023849
- 197. Một số giải pháp nâng cao chất lượng quản lý doanh trại ở Học viện Hậu cần.** / Đỗ Thành Lộc.- H.: Học viện Hậu cần, 2017. - 44tr.; 30cm ++ phụ lục
Phục vụ hạn chế
355.7109597/T.0023870
- 198. Một số giải pháp phòng ngừa, khắc phục ảnh hưởng của lối sống thực dụng đối với học viên đào tạo cán bộ hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học ở Học viện Hậu cần hiện nay.** / Nguyễn Tiến Dũng.- H.: Học viện Hậu cần, 2015. - 65tr.; 30cm ++ phụ lục
Phục vụ hạn chế
355.00711597/T.0023842
- 199. Một số trận đánh điển hình cấp tiểu đoàn, trung đoàn bộ binh và bài học kinh nghiệm.** - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 195tr.; 21cm.
T.6 : Tiểu đoàn, trung đoàn bộ binh tiến công, vận động tiến công, tập kích.- 2017
356.109597/.0079087 - .0079088
- 200. 155 câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Quân đội nhân dân Việt Nam.** / Mai Quang Phấn sưu tầm, tuyển chọn.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 103tr.; 15cm.
355.009597/.0078938 - .0078939;DT.0000034 - DT.0000035 - DT.0000036 - DT.0000037;M.0168312 - M.0168313;MP.0030667 - MP.0030668
- 201. 100 tình huống tư tưởng có thể nảy sinh ở đơn vị và gợi ý biện pháp xử lý của cán bộ cơ sở.** : Tài liệu tham khảo/ Trần Hoài Trung chủ biên. - Tái bản lần 1.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 187tr.; 19cm
Lưu hành nội bộ
355.009597/LC.0014312 - LC.0014313
- 202. Mỹ với chiến lược cân bằng thứ 3.** - H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự, 2017. - 19tr.
355.00973/T.0023773
- 203. Năng lực hạt nhân của Triều Tiên.** - H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự, 2017. - 67Tr.
355.825119/T.0023770

204. Nâng cao bản lĩnh của sĩ quan cấp phân đội trong tình hình mới. / Phùng Văn Thiết.- H.: Bộ Quốc phòng, 2017. - 177tr.

355.309597/T.0023777

205. Nâng cao chất lượng chính trị của học viên đào tạo cán bộ hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học ở Học viện Hậu cần hiện nay. / Đỗ Anh Vinh.- H.: Học viện Hậu cần, 2017. - 83tr.; 30cm + + phụ lục

Phục vụ hạn chế

355.00711597/T.0023887

206. Nâng cao chất lượng công tác dân vận của quân đội trên địa bàn trọng yếu về quốc phòng - an ninh trong tình hình mới. / Ngô Văn Bích.- 2017; H.: Bộ Quốc phòng. - 232tr.

355.3409597/T.0023786

207. Nâng cao chất lượng dạy học môn vận dụng lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam cho cán bộ hậu cần cấp chiến thuật.... / Đỗ Đức Hiến.- H.: Học viện Hậu cần, 2017. - 75tr.; 30cm + + phụ lục

Phục vụ hạn chế

355.00711597/T.0023873

208. Nâng cao chất lượng đội ngũ chính trị viên trong các trường kỹ thuật Quân đội. : Sách chuyên khảo/ Chủ biên: Nguyễn Trọng Tuấn, Đặng Trường Minh.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 122tr.; 21cm.

355.00711597/.0079054 - .0079055;M.0168534 - M.0168535;MP.0030901

209. Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên chuyên ngành nghệ thuật ở trường Đại học Văn hóa nghệ thuật Quân đội. : Sách chuyên khảo.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 132tr.; 21cm.

355.00711597/.0079086

210. Nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa ở đơn vị cơ sở trong quân đội hiện nay. / Bùi Mạnh Hùng.- 2017; H.: Tổng cục Chính trị. - 130tr.

355.109597/T.0023792

211. Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học của học viên đào tạo chính ủy hiện nay. / Nguyễn Thanh Bình.- 2017; H.: Tổng cục Chính trị. - 121tr.

355.0071/T.0023788

212. Nâng cao chất lượng tổ chức vận chuyển vật chất kỹ thuật ở Đại đội Vận tải thủy - Tiểu đoàn Vận tải 752 - Quân đoàn 1. / Nguyễn Văn Quyết.- H.: Học viện Hậu cần, 2017. - 51tr.; 30cm + + phụ lục

Phục vụ hạn chế

358.25309597/T.0023857

213. Nghiên cứu ảnh hưởng của cốt liệu nhỏ đến chất lượng của bê tông sử dụng trong các công trình doanh trại quân đội. / Khúc Thành Nam.- H.: Học viện Hậu cần, 2017. - 36tr.; 30cm + + phụ lục

Phục vụ hạn chế
355.7109597/T.0023862

214. Nghiên cứu bảo đảm hậu cần sư đoàn bộ binh khung thường trực tiếp nhận lực lượng dự bị động viên trong tình hình mới. / Trịnh Bá Chính.- H.: Học viện Hậu cần, 2015. - 51tr.; 30cm ++ phụ lục

Phục vụ hạn chế
355.41109597/T.0023848

215. Nghiên cứu bảo đảm vật chất hậu cần lực lượng pháp binh chiến dịch phản công trong tác chiến phòng thủ quân khu. / Nguyễn Hữu Toán.- H.: Học viện Hậu cần, 2015. - 61tr.; 30cm ++ phụ lục

Phục vụ hạn chế
355.41109597/T.0023850

216. Nghiên cứu chuẩn bị và huy động hậu cần tại chỗ bảo đảm cho tác chiến trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc. / Lưu Văn Miếu.- H.: Bộ Quốc phòng, 2014. - 133tr.; 30cm ++ phụ lục

Phục vụ hạn chế
355.41109597/T.0023840

217. Nghiên cứu đổi mới phương pháp dạy học môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trong đào tạo cán bộ hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học ở Học viện Hậu cần hiện nay. / Lê Nguyên Dương.- H.: Bộ Tổng Tham mưu, 2013. - 81tr.; 30cm ++ phụ lục

Phục vụ hạn chế
355.00711597/T.0023889

218. Nghiên cứu giải pháp bồi dưỡng phương pháp giáo dục chính trị cho chính trị viên ở đơn vị cơ sở trong quân đội hiện nay. / Nguyễn Văn Sơn.- 2017; Bắc Ninh: Trường Sĩ quan Chính trị. - 113tr.

355.0071/T.0023790

219. Nghiên cứu giải pháp kiến trúc tiết kiệm năng lượng cho công trình doanh trại. / Đỗ Đức Trường.- H.: Học viện Hậu cần, 2017. - 47tr.; 30cm ++ phụ lục

Phục vụ hạn chế
355.41109597/T.0023880

220. Nghiên cứu giải pháp nâng cao năng lực của chính ủy bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố. / Nguyễn Đình Minh.- 2016; H.: Bộ Quốc phòng. - 185tr.

355.309597/T.0023779

221. Nghiên cứu hình thức phòng ngự cơ động trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc. / Nguyễn Bình.- H.: Học viện Hậu cần, 2015. - 53tr.; 30cm ++ phụ lục

Phục vụ hạn chế
355.4209597/T.0023854

222. Nghiên cứu nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý, điều hành công tác đào tạo ở Học viện Hậu cần. / Lưu Văn Miếu.- H.: Bộ Tổng Tham mưu, 2014. - 72tr.; 30cm + + phụ lục

Phục vụ hạn chế

355.00711597/T.0023839

223. Nghiên cứu quy hoạch hệ thống tổ chức sửa chữa trang bị quân khí lực quân đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. / Phạm Tuấn Anh.- 2014; H.: Học viện Kỹ thuật quân sự. - 153tr.

358.2209597/T.0023803

224. Nghiên cứu sử dụng hỗn hợp phụ gia nâng cao một số tính chất cho bê tông sử dụng trong công trình doanh trại trên biển, đảo. / Vương Đình Tuyển.- H.: Học viện Hậu cần, 2017. - 40tr.; 30cm + + phụ lục

Phục vụ hạn chế

355.7109597/T.0023876

225. Nghiên cứu sử dụng lực lượng tên lửa phòng không S-300PMU1 trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. / Lê Văn Ngọc.- H.: Bộ Quốc phòng, 2016. - 517tr.; 30cm + + phụ lục

Phục vụ hạn chế

358.1709597/T.0023859

226. Nghiên cứu tổ chức chỉ huy hậu cần chiến dịch phản công trong tác chiến phòng thủ quân khu. / Vũ Hồng Hà.- H.: Học viện Hậu cần, 2015. - 57tr.; 30cm + + phụ lục

Phục vụ hạn chế

355.41109597/T.0023846

227. Nghiên cứu xã hội hóa công tác hậu cần quân đội. / Phạm Trung Dũng.- H.: Học viện Hậu cần, 2016. - 145tr.; 30cm + + phụ lục

Phục vụ hạn chế

355.41109597/T.0023871

228. Nghiên cứu xây dựng phần mềm quản lý đào tạo nghiên cứu sinh ở Học viện Hậu cần. / Phạm Tuấn Anh.- H.: Học viện Hậu cần, 2017. - 41tr.; 30cm + + phụ lục

Phục vụ hạn chế

355.00711597/T.0023886

229. Những thay đổi trong chiến lược trục xoay Châu Á - TBD của Mỹ trong thời gian tới. / Hoàng Kim Trường.- 2017; H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 67tr.

355.00973/T.0023825

230. Nội dung, giải pháp phối hợp, hiệp đồng các lực lượng hậu cần trong tác chiến phòng thủ tỉnh, thành phố. / Lê Viết Giang.- H.: Học viện Hậu cần, 2017. - 55tr.; 30cm + + phụ lục

Phục vụ hạn chế

355.41109597/T.0023874

231. Phát huy vai trò của chính trị viên đồn biên phòng trong thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia. / Trần Đức Uẩn.- 2016; H.: Học viện Biên phòng. - 96tr.

355.35109597/T.0023791

232. Phát huy vai trò của chính trị viên đồn biên phòng trong thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia. : Sách chuyên khảo/ Chủ biên: Trần Đức Uẩn, Trần Mạnh Hà.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 186tr.; 21cm.

355.009597/.0079058 - .0079059;M.0168538 - M.0168539; MP.0030903

233. Phát huy vai trò của quân đội trong phòng chống các nguy cơ từ an ninh phi truyền thống hiện nay. / Lê Thanh Phương.- 2017; H.: Bộ Quốc phòng. - 576tr.

355.033597/T.0023781

234. Phát huy vai trò khoa học xã hội và nhân văn quân sự trong xây dựng quân đội về chính trị hiện nay. / Nguyễn Thanh Tuyên.- 2017; H.: Tổng cục Chính trị. - 117tr.

355.033597/T.0023782

235. Phân đội súng máy phòng không 12mm cơ động nhanh. .- H.: Quân đội nhân dân, 2015. - 54tr.; 19cm.

355.42209597/.0079098

236. Phòng, chống thông tin xấu, độc trên các trang mạng xã hội tác động đến đội ngũ đoàn viên thanh niên ở Học viện Hậu cần hiện nay. / Hoàng Công Chí.- H.: Học viện Hậu cần, 2017. - 94tr.; 30cm + + phụ lục

Phục vụ hạn chế

355.00711597/T.0023866

237. Phương pháp nghiên cứu môn học Hậu cần chiến dịch. : Tài liệu dùng cho đào tạo cán bộ Hậu cần cấp chiến thuật, chiến dịch/ Đồng Văn Thường chủ biên, Bùi Văn Mạnh.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 31tr.; 27cm.

355.00711/M.0168630 - M.0168631;MP.0030988

238. Quản lý nhà nước về an ninh, trật tự của bộ đội biên phòng ở khu vực biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc. : Sách chuyên khảo/ Lương Đình Tiệp.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 174tr.; 20cm.

355.35109597/LC.0014257

239. Quân đội nhân dân Việt Nam trung với Đảng hiếu với dân. / Ngô Xuân Lịch.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 440tr.; 24cm.

355.009597/M.0168492 - M.0168493; MP.0030837; V.0016091 - V.0016092

240. Quân đội phòng chống chiến tranh thông tin của các thế lực thù địch trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. / Ngô Minh Sơn.- 2017; H.: Bộ Quốc phòng. - 130tr.

355.47597/T.0023784

- 241. Quân đội tăng cường đấu tranh chống quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.** / Nguyễn Văn Quang.- 2016; H.: Tổng cục Chính trị. - 246tr.
355.109597/T.0023780
- 242. Sổ tay chính trị viên đại đội.** : Sách tham khảo cho cán bộ chính trị/ Vũ Cao Hội chủ biên.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 143tr.; 19cm.
355.3304109597/LC.0014316 - LC.0014317
- 243. Sự phát triển của các tàu chiến mặt nước và tàu ngầm của các nước trong khu vực châu Á-TBD.** / Trevor Hollingsbee; Vũ Trọng Ánh dịch.- 2017; H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 41tr.
359.0095/T.0023819
- 244. Sự phát triển mới của chiến tranh hỗn hợp hiện nay.** / Đặng Thanh Huyền.- 2017; H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 86tr.
355.02/T.0023827
- 245. Tăng cường quản lý tài chính đối với kinh phí nghiệp vụ ở Học viện Hậu cần.** / Nguyễn Anh Tuấn.- H.: Học viện Hậu cần, 2017. - 65tr.; 30cm + + phụ lục
Phục vụ hạn chế
355.62209597/T.0023884
- 246. Thông báo lực lượng vũ trang nước ngoài năm 2017.** .- 2017; H.: Tổng cục II - Bộ Quốc phòng. - 470tr.
Lưu hành nội bộ
355/T.0023808
- 247. Tìm hiểu một số loại vũ khí trang bị của Nga trong chiến dịch quân sự tại Syria.** / Lê Đức Lâm.- 2017; H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 81tr.
355.80947/T.0023814
- 248. Tổng kết công tác vận tải sư đoàn bộ binh 325 - Quân đoàn 2 hành quân cơ động từ Bắc Giang đến Hà Giang năm 1988.** / Đào Đức Đăng.- H.: Học viện Hậu cần, 2015. - 40tr.; 30cm + + phụ lục
Phục vụ hạn chế
358.209597/T.0023841
- 249. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam.** / Lương Cường.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 392tr.; 21cm.
355.009597/.0078996 - .0078997; M.0168494 - M.0168495; MP.0030844
- 250. Văn hóa chiến lược của Ấn Độ: Xây dựng chính sách an ninh quốc gia.** / Shrikant Parajpe.- H.: Thông tin và truyền thông, 2017. - 184tr.; 23cm.
355.03354 + 355.03354/M.0168562 - M.0168563; MP.0030934 - MP.0030935; V.0016125 - V.0016126

- 251. Vận dụng thiết kế mẫu thiết kế các công trình trong doanh trại hải đội biên phòng.** / *Trần Võ Mạnh.*- H.: Học viện Hậu cần, 2017. - 57tr.; 30cm + + phụ lục
Phục vụ hạn chế
355.7109597/T.0023858
- 252. Vũ khí công nghệ cao và chiến tranh công nghệ cao.** / *Đoàn Huy Khoa.*- 2017; H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự. - 81tr.
355/T.0023816
- 253. Vũ khí trang bị của lực lượng quân Mỹ sau khi chuyển đổi mô hình chiến lược đến năm 2020.** / *Đoàn Duy Khoa.*- H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự, 2017. - 149Tr.
355.80973/T.0023776
- 254. Xây dựng đội ngũ giảng viên trẻ khoa học xã hội nhân văn trong các nhà trường quân đội hiện nay.** : Sách chuyên khảo.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 170tr.; 21cm.
355.00711597/.0079034 - .0079035;M.0168516 - M.0168517;MP.0030889
- 255. Xây dựng đội ngũ giảng viên trẻ khoa học xã hội và nhân văn trong các nhà trường quân đội hiện nay.** / *Đặng Sỹ Lộc.*- 2017
355.00711597/T.0023787
- 256. Xây dựng mô hình cấu tạo cốt thép một số kết cấu nhà ở đại đội bộ binh hai tầng theo thiết kế mẫu.** / *Nguyễn Đức Anh.*- H.: Học viện Hậu cần, 2017. - 20tr.; 30cm + + phụ lục
Phục vụ hạn chế
355.7109597/T.0023860
- 257. Xây dựng phim huấn luyện diễn tập chỉ huy tham mưu hậu cần một bên hai cấp trung đoàn, tiểu đoàn bộ binh cho học viên đào tạo cử nhân hậu cần cấp phân đội ở Học viện Hậu cần.** / *Vũ Hồng Hà.*- H.: Học viện Hậu cần, 2015. - 16tr.; 30cm + + phụ lục
Phục vụ hạn chế
355.00711597/T.0023844
- 258. Xây dựng tiêu chí đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên các khoa chuyên ngành ở Học viện Hậu cần.** / *Trần Mạnh Cường.*- H.: Học viện Hậu cần, 2017. - 52tr.; 30cm + + phụ lục
Phục vụ hạn chế
355.00711597/T.0023875

36 – Các vấn đề xã hội và dịch vụ xã hội

- 259. Châu âu trước mối đe dọa của chủ nghĩa khủng bố.** / *Vũ Cao Định.*- H.: Trung tâm Thông tin khoa học quân sự, 2017. - 59tr.
363.325094/T.0023809
- 260. Công an nhân dân Việt Nam với tác phẩm Tư cách người công an cách mệnh của Hồ Chí Minh.** / *Tô Lâm.*- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 200tr.; 21cm.

363.209597/.0078970 - .0078971;M.0168462 - M.0168463;MP.0030814 - MP.0030815

261. *Kyojinka: Tăng cường năng lực quốc gia ứng phó thảm họa ở Nhật Bản, Châu Á và thế giới.* / T. Nikai, T. Takebe, S. Fujii...; Ng.dịch: Nghiêm Vũ Khải, Đoàn Mạnh Cường.- H.: Thông tin và truyền thông, 2017. - 326tr.; 25cm.

363.3470952/DT.0000121 - DT.0000122;M.0168540 - M.0168541;MP.0030914 - MP.0030915

262. *Vấn đề bảo vệ môi trường tự nhiên trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay.* / Nguyễn Thị Nga.- H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 204tr.; 21cm.

363.7009597/.0078968 - .0078969;M.0168460 - M.0168461; MP.0030812 - MP.0030813

37 – Giáo dục

263. *Chân dung người thầy thế kỷ XX.* / Hãn Nguyên Nguyễn Nhã.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 308tr.; 24cm.

371.10904/M.0168322 - M.0168323;MP.0030677 - MP.0030678;V.0016058 - V.0016059

264. *Giáo sư, phó Giáo sư, nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú, thầy thuốc ưu tú Học viện Hậu cần (1915-2017).* .- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 171tr.; 30cm.

370.922597/V.0016131 - V.0016132

38 – Thương mại, các phương tiện truyền thống và giao thông vận tải

265. *Giao thương giữa Việt Nam với Đông Bắc Á (1897 - 1945).* : Sách chuyên khảo/ Nguyễn Thị Thanh Tùng.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 235tr.; 21cm.

382.0959705/.0078946 - .0078947;M.0168372 - M.0168373;MP.0030712 - MP.0030713

266. *Nghiên cứu hệ thống tiêu chuẩn và pháp qui không gian mạng.* .- H.: Trung tâm thông tin khoa học quân sự, 2017. - 35Tr.

389.6/T.0023772

267. *Phiêu lưu trong thế giới Marketing.* : My adventures in Marketing/ Philip Kotler; Ng.dịch: Nguyễn Dương Hiếu, Phan Thị Thùy Vi.- TP. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2017. - 324tr; 21cm.

381/DT.0000085;M.0168419 - M.0168420;MP.0030771 - MP.0030772

268. *Thế giới Alibaba của Jack Ma.* : Cách một công ty Trung Quốc xuất chúng làm thay đổi bộ mặt thương mại toàn cầu/ Porter Erisman ; Ng.dịch: Đỗ Trí Vương.- TP. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2017. - 324tr.; 21cm.

381.1420951/DT.0000090;M.0168435 - M.0168436; MP.0030787 - MP.0030788

39 – Phong tục, nghi lễ và văn hóa dân gian

269. *Độc lại cổ tích.* / Huỳnh Ngọc Trảng.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 222tr.; 19cm.

398.209597/M.0168331 - M.0168332;MP.0030685 - MP.0030686

4 - NGÔN NGỮ

270. *Những tiếng trống qua cửa các nhà sấm.* : Nghiên cứu, trao đổi về ngữ văn và lịch sử/ *Huệ Thiên.* - In theo bản in năm 2004, có chỉnh sửa và bổ sung.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 674tr.; 24cm.

495.101/M.0168335 - M.0168336;MP.0030689 - MP.0030690;V.0016062 - V.0016063

5 - KHOA HỌC

52 – Thiên văn học

271. *Trái đất và hệ mặt trời.* / Đặng Vũ Tuấn Sơn.- H.: Thông tin và truyền thông, 2017. - 249tr.; 21cm.

523 + 523/DT.0000136 - DT.0000137;M.0168586 - M.0168587;MP.0030958 - MP.0030959

53 - Vật lý

272. *Giáo trình cơ sở đo lường và thử nghiệm phương tiện cơ giới.* : Dùng cho đào tạo cao học và nghiên cứu sinh chuyên ngành kỹ thuật cơ khí động lực/ *Nguyễn Văn Trà chủ biên.*- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 188tr.; 29cm.

530.8/M.0168598 - M.0168599

273. *Giáo trình động lực học máy trục.* : Dùng cho đào tạo Cao học chuyên ngành xe máy công binh, máy xây dựng.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 115tr.; 27cm.

531.1630711/M.0168636 - M.0168637

274. *Nguồn điện thứ cấp.* : Dùng cho đào tạo Trung cấp kỹ thuật thông tin/ *Bùi Vinh Hiến chủ biên; Trần Thị Nguyệt biên soạn.*- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 164tr.; 29cm.

537.0711/M.0168597

57 – Khoa học về sự sống, sinh vật học

275. *Giáo trình sinh lý bệnh đại cương.* : Dùng cho đào tạo trình độ đại học/ *Chủ biên: Nguyễn Văn Nguyên, Nguyễn Linh Toàn.*- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 201tr.; 27cm.

571.90711/M.0168612 - M.0168613;MP.0030980 - MP.0030981

6 – CÔNG NGHỆ

61 – Y học

276. Chứng tăng tiết mồ hôi nguyên phát khu trú. : Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Văn Nam, Nguyễn Ngọc Trung*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 127tr.; 21cm.

612.793/M.0168643

277. Dinh dưỡng lâm sàng. : Dành cho đào tạo trình độ đại học/ *Chủ biên: Nguyễn Thanh Chò, Trần Văn Tập*. - Tái bản lần 1 có sửa chữa, bổ sung.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 215tr.; 27cm.

613.2/M.0168616 - M.0168617;MP.0030984 - MP.0030985

278. Tổ máy phát điện. : Dành cho đào tạo Trung cấp kỹ thuật thông tin/ *Trần Văn Tài chủ biên; Phạm Thanh Tùng biên soạn*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 217tr.; 29cm.

612.313/M.0168600

615 – Dược lý học và điều trị học

279. Bệnh nhiễm độc chì vô cơ. : Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Văn Bằng*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 150tr.; 21cm.

615.925688/M.0168646 - M.0168647;MP.0030995

280. Các bài thuốc thường dùng trong y học cổ truyền và ứng dụng lâm sàng. : Dành cho đào tạo trình độ sau đại học. - Tái bản lần 1 có sửa chữa, bổ sung.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 505tr.; 27cm.

615.321/M.0168618 - M.0168619;MP.0030986 - MP.0030987

281. Phòng, chống các bệnh thường gặp trong gia đình bằng thảo dược quanh ta. / *Đái Duy Ban*.- H.: Thông tin và truyền thông, 2018. - 230tr.; 21cm.

T.1 : Hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiết niệu, hệ tiêu hóa.- 2018

615.88 + 615.88/DT.0000131;M.0168580 - M.0168581; MP.0030952 - MP.0030953

282. Vật lý trị liệu và phục hồi chức năng. : Dành cho đào tạo trình độ đại học/ *Hà Hoàng Kiệt chủ biên*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 141tr.; 27cm.

615.8/M.0168614 - M.0168615;MP.0030982 - MP.0030983

616 – Các bệnh cụ thể

283. Cấp cứu thương binh tại trận địa. : Tài liệu tham khảo/ *Chủ biên: Đỗ Quyết, Nguyễn Trường Giang*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 163tr.; 21cm.

616.98023/DT.0000153 - DT.0000154;M.0168641 - M.0168642

284. Đặc điểm sinh học phân tử và vai trò của virus trong bệnh do nhiễm virus viêm gan B. : Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Trọng Chính*.- H.: Quân đội nhân dân, 2016. - 174tr.; 21cm.

616.3623019/M.0168644 - M.0168645;MP.0030994

285. Giáo trình bệnh học ngoại lồng ngực - tim mạch. : Dành cho đào tạo trình độ sau đại học/ *Nguyễn Trường Giang chủ biên.*- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 587tr.; 27cm.

616.0071/DT.0000144 - DT.0000145;M.0168606 - M.0168607;MP.0030974 - MP.0030975

286. Giáo trình bệnh hô hấp. : Dành cho đào tạo trình độ đại học/ *Chủ biên: Đỗ Quyết, Nguyễn Huy Lực.*- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 305tr.; 27cm.

616.200711/M.0168638

287. Giáo trình ký sinh trùng và côn trùng y học. : Dành cho cử nhân đào tạo xét nghiệm y học/ *Nguyễn Khắc Lực chủ biên.*- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 301tr.; 27cm.

616.9600711/DT.0000146 - DT.0000147;M.0168608 - M.0168609;MP.0030976 - MP.0030977

288. Giáo trình tâm thần học đại cương và điều trị các rối loạn tâm thần. : Dành cho đào tạo trình độ sau đại học/ *Chủ biên: Ngô Ngọc Tấn, Cao Tiến Đức.* - Tái bản lần 1 có sửa chữa, bổ sung.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 231tr.; 27cm.

616.80075/M.0168604 - M.0168605;MP.0030972 - MP.0030973

617 - Các ngành y học hỗn hợp. Ngoại khoa

289. Chấn thương, vết thương ngực: Kinh nghiệm chẩn đoán, điều trị các bệnh thường gặp. : Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Hữu Ước.*- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 151tr.; 21cm.

617.54/M.0168639 - M.0168640;MP.0030993

618 – Các ngành y học khác. Phụ khoa và sản khoa

290. Giáo trình nhi khoa. : Dành cho đào tạo trình độ đại học/ *Chủ biên: Lương Cao Đồng, Lê Mỹ Dung.* - Tái bản lần 1 có sửa chữa, bổ sung.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 483tr.; 27cm.

618.9200711/M.0168610 - M.0168611;MP.0030978 - MP.0030979

62 – Kỹ thuật

291. Cơ cấu bịt kín và hãm thủy lực áp suất cao dùng trong vũ khí. : Dành cho đào tạo cao học chuyên ngành vũ khí/ *Nguyễn Văn Dũng chủ biên.*- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 250tr.; 29cm.

623.4/M.0168596

292. Giáo trình thiết kế và phân tích kỹ thuật có sự trợ giúp của máy tính (CAD/CAE). : Dành cho đào tạo đại học ngành kỹ thuật cơ điện tử/ *Trần Đức Tăng chủ biên.*- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 317tr.; 29cm.

629.80711/M.0168602 - M.0168603;MP.0030970 - MP.0030971

64 – Quản lý nhà cửa và gia đình

293. *Ăn quà xuyên Việt.* / Đặng Hồng Quân, Nguyễn Trương Quý.- TP. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2017. - 112tr.; 20cm.

641.013/DT.0000078;M.0168399 - M.0168400; MP.0030751 - MP.0030752

294. *Đứng dậy và bước đi.* / Nguyễn Hương Dương. - Tái bản lần 1.- TP. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2017. - 236tr.; 20cm.

646.7/M.0168425 - M.0168426;MP.0030777 - MP.0030778

295. *Lê la quà vật.* / Đặng Hồng Quân, Nguyễn Trương Quý.- TP. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2017. - 120tr.; 20cm.

641.013/DT.0000079;M.0168401 - M.0168402; MP.0030753 - MP.0030754

65 – Quản lý và quan hệ cộng đồng

296. *30 bí quyết để trở thành nhà lãnh đạo thành công.* : Sách tham khảo/ *Nhiệm Ngạn Thân*; Ng.dịch: *Thúy Lan, Thanh Huyền*.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 248tr.; 21cm.

658.4092/.0078962 - .0078963;M.0168356 - M.0168357; MP.0030726 - MP.0030727

66 – Kỹ thuật hóa học

297. *Lặng thương đến hoàng hôn.* / Nguyễn Các Ngọc.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 237tr.; 19cm.

664.725/M.0168342 - M.0168343;MP.0030696 - MP.0030697

7 - NGHỆ THUẬT

298. *35 chuyện tình nghệ sĩ.* / Hà Đình Nguyên.- TP. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2017. - 436tr.; 23cm.

700.922/DT.0000077;M.0168397 - M.0168398; MP.0030749 - MP.0030750

299. *Giáo trình đàn Guitar.* : Dùng cho học sinh - sinh viên chuyên ngành quản lý văn hóa bậc đại học/ *Phạm Tiến Dũng biên soạn*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 136tr.; 27cm.

787.870711/M.0168627

300. *Giáo trình đàn tranh mang phong cách Huế.* : Dùng cho đào tạo bậc trung cấp.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 120tr.; 27cm.

787.70711/M.0168508 - M.0168509; MP.0030863; V.0016097 - V.0016098

301. *Giáo trình hòa âm Jazz - Rock - Pop.* : Dùng cho đào tạo bậc đại học/ *Nguyễn Mai Kiên*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 148tr.; 27cm.

781.250711/M.0168629

302. *Giáo trình hòa âm Jazz - Rock - Pop.* : Dùng cho đào tạo bậc trung cấp/ *Nguyễn Mai Kiên*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 160tr.; 27cm.

781.250711/M.0168620 - M.0168621

303. *Hát lời cho quả sai.* : Chân dung văn nghệ, chân dung văn nghệ/ *Hồ Huy Sơn*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 191tr.; 24cm

709.2/M.0168352 - M.0168353; MP.0030706 - MP.0030707

304. *100 bản tình ca Nga nổi tiếng.* / *Nguyễn Thụy Kha*.- TP. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2017. - 192tr.; 28cm.

782.420947/DT.0000067; M.0168378 - M.0168379; MP.0030730 - MP.0030731

305. *60 bóng hồng trong thơ nhạc.* / *Hà Đình Nguyên*.- TP. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2017. - 444tr.; 23cm.

780.269/DT.0000072; M.0168386 - M.0168387; MP.0030738 - MP.0030739

306. *80 bài tập mẫu cho kèn trumpet.* / *Nguyễn Quốc Trường, Nguyễn Trung Đông*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 128tr.; 27cm.

788.92/M.0168622

307. *Tuyển chọn ca khúc có phần đệm trên đàn phím điện tử.* : Dùng cho sinh viên chuyên ngành sư phạm âm nhạc năm thứ 3 bậc đại học hệ chính quy/ *Lê Anh Chiến chủ biên*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 132tr.; 27cm.

786/M.0168628

308. *Tuyển chọn các bài tập piano.* : Tài liệu giảng dạy môn piano phổ cập trình độ trung cấp chính quy chuyên ngành thanh nhạc.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 123tr.; 27cm.

786.2/M.0168625

309. *Tuyển tập bài tập và các tác phẩm cho đàn T'rung.* .- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 172tr.; 27cm.

786.8/M.0168624

310. *Tuyển tập các bài xướng âm.* : Dùng cho đào tạo quân nhạc trình độ trung cấp chính quy 4 năm.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 112tr.; 27cm.

780.148/M.0168623

311. *Tuyển tập chèo cổ Việt Nam soạn cho đàn nhị.* / *Lê Thu Giang*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 103tr.; 27cm.

782.4209597/M.0168510 - M.0168511; MP.0030864; V.0016099 - V.0016100

312. *Tuyển tập hòa tấu dân ca Việt Nam vùng đồng bằng Bắc Bộ.* : Dùng cho đào tạo trình độ trung cấp ngành Biểu diễn nhạc cụ truyền thống/ *Chủ biên: Nguyễn Thị Tuyết Mai, Nguyễn Duy Thịnh*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 88tr.; 27cm.

781.283/M.0168626

79 – Thể thao, nghệ thuật vui chơi giải trí và biểu diễn

313. *50 câu đố cân bằng não trái - não phải giúp bạn phát triển kỹ năng tư duy.* : Brain balance workout/ *Charles Phillips* ; *Ng. dịch: Nguyễn Nhã Kha Minh*.- TP. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2017. - 100tr.; 19cm.

793.73/DT.0000084; M.0168417 - M.0168418; MP.0030769 - MP.0030770

8 - VĂN HỌC VÀ TU TỪ HỌC

314. Người đàn ông mang tên Ove. : Tiểu thuyết/ *Fredrik Backman*; Ng.dịch: *Hoàng Anh*.- TP. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2017. - 452tr.; 20cm.

839.738/M.0168415 - M.0168416;MP.0030767 - MP.0030768

80 – Tu từ học, sưu tập, lịch sử, đánh giá phê bình văn học

315. Các bức thư giải nhất thế giới (1972-2016). - H.: Thông tin và truyền thông, 2017. - 349tr.; 21cm.

808.86 + 808.86/DT.0000139 - DT.0000140;M.0168592 - M.0168593;MP.0030964 - MP.0030965

316. Loại hình tác giả văn học - Nhà nho tài tử và văn học Việt Nam. / *Trần Ngọc Vương*.- H.: Thông tin và truyền thông, 2018. - 399tr.; 21cm.

**801.95 + 801.95/DT.0000132 - DT.0000133 - DT. 0000134 - DT.0000135;
M.0168584 - M.0168585; MP. 0030956 - MP.0030957**

317. Những bức thư giải nhất Việt Nam. : Dấu ấn 30 năm Việt Nam tham gia Cuộc thi viết thư UPU.- H.: Thông tin và truyền thông, 2017. - 321tr.; 21cm.

**808.86597 + 808.86597/DT.0000141 - DT.0000142; M.0168594 -
M.0168595;MP.0030966 - MP.0030967**

318. Thi ca nét đất. : Tiểu luận, phê bình/ *Lê Thiệu Nhơn*. - Tái bản lần thứ nhất, có chỉnh sửa và bổ sung.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 200tr.; 20cm.

809.04/M.0168318 - M.0168319;MP.0030673 - MP.0030674

319. Văn học Việt Nam - Dòng riêng giữa nguồn chung. / *Trần Ngọc Vương*.- H.: Thông tin và truyền thông, 2018. - 478tr.; 21cm.

**801 + 801/.0079070 - .0079071;DT.0000128 - DT. 0000129; M.0168568 -
M.0168569;MP.0030940 - MP.0030941**

81 – Văn học bằng các ngôn ngữ cụ thể

320. Bao điều không nói. : Tiểu thuyết/ *Celeste Ng*; Ng.dịch: *Thảo Lê*.- TP. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2017. - 352tr.; 20cm.

813.6/M.0168413 - M.0168414;MP.0030765 - MP. 0030766

321. Bùng nổ. : Explosive Eighteen/ *Janet Evanovich*; Ng.dịch: *Tổ Uyên*.- TP. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2017. - 358tr.; 20cm.

813.54/M.0168423 - M.0168424;MP.0030775 - MP. 0030776

322. Etta và Otto và Russell và James. : Tiểu thuyết/ *Emma Hooper*; Ng.dịch: *Trương Trung Tín*.- TP. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2017. - 384tr.; 20cm.

813.6/DT.0000091;M.0168437 - M.0168438; MP. 0030789 - MP.0030790

323. Những năm ở Nhà Trắng 1968-1973. / Henry Kissinger; Thư viện Trung ương Quân đội dịch.- 1982; H.: Viện Lịch sử quân sự Việt Nam. - 145tr.

T.1. Chương 8.

819.385403/T.0023801

324. Những năm ở Nhà Trắng 1968-1973. / Henry Kissinger; Thư viện Trung ương quân đội dịch.- 1982; H.: Viện Lịch sử quân sự Việt Nam. - 155tr.

T.2. Chương 12.

819.385403/T.0023800

89 – Văn học Việt Nam

325. Bài thơ trên xương cụt. : Tập truyện ngắn/ *Chinh Ba*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 263tr.; 21cm.

895.92234/M.0168316 - M.0168317;MP.0030671 - MP.0030672

326. Bến xưa. : Tập truyện ngắn/ *Trầm Nguyên Ý Anh*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 256tr.; 19cm.

895.92234/.0079048 - .0079049;M.0168530 - M. 0168531; MP.0030896

327. Bếp ấm của mẹ. : Quê hương, gia đình và tuổi thơ tôi/ *Đỗ Phương Thảo*.- TP. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2017. - 296tr.; 20cm.

895.9228034/DT.0000080;M.0168403 - M.0168404; MP.0030755 - MP.0030756

328. Bí thư tỉnh ủy. : Từ cuộc đời "Cha đẻ khoán hộ" Kim Ngọc/ *Vân Thảo*. - Tái bản lần thứ 2.- TP. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2017. - 676tr.; 24cm.

895.92234/DT.0000073 - DT.0000074;M.0168388 - M.0168389;MP.0030740 - MP.0030741

329. Câu chữ truyện Kiều. / *An Chi*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 352tr.; 24cm.

895.92212/M.0168314 - M.0168315;MP.0030669 - MP.0030670;V.0016056 - V.0016057

330. Chuyện chữ chuyện nghĩa. : Bút ký/ *Hà Nguyên Huyền*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 179tr.; 19cm.

895.9228403/LC.0014308 - LC.0014309

331. Cổ tích cho ngày mới. : Tập truyện ngắn/ *Lê Minh Hà*.- TP. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2017. - 162tr.; 20cm.

895.92234/M.0168411 - M.0168412;MP.0030763 - MP.0030764

332. Cột mốc trong người. : Thơ/ *Nguyễn Quang Hưng*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 112tr.; 19cm.

895.92214/DT.0000104;M.0168502 - M.0168503; MP.0030859 - MP.0030860

- 333. *Cùng lính trẻ đọc thơ*.** : Giới thiệu, bình thơ/ *Vương Trọng*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 211tr.; 19cm.
T.2.- 2017
895.9221009/LC.0014298 - LC.0014299
- 334. *Đi như là ở lại*.** : Bút ký/ *Lê Vũ Trường Giang*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 266tr.; 21cm.
895.9228403/DT.0000047 - DT.0000048;M.0168346 - M.0168347;MP.0030700 - MP.0030701
- 335. *Điều kỳ diệu*.** : Tập truyện và ký/ *Chi Phan*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 207tr.; 20cm.
895.92234/LC.0014274 - LC.0014275
- 336. *Đồng khuya thương nắng*.** : Tuyển tập truyện ngắn/ *Ngọc Huyền*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 148tr.; 21cm.
895.92234/M.0168333 - M.0168334;MP.0030687 - MP.0030688
- 337. *Đội anh về*.** : Tuyển thơ chiến tranh vệ quốc 1941-1945/ *Nguyễn Huy Hoàng, Nguyễn Văn Minh*.- H.: Thông tin và truyền thông, 2017. - 404tr.; 21cm.
891.71008 + 891.71008/DT.0000127;M.0168566 - M.0168567;MP.0030938 - MP.0030939
- 338. *Đường về*.** : Thơ/ *Hà Xuân An*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 103tr.; 19cm.
895.92214/LC.0014304 - LC.0014305
- 339. *Góc làng*.** : Tiểu thuyết/ *Phùng Phương Quý*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 212tr.; 19cm.
895.92234/LC.0014284 - LC.0014285
- 340. *Hoa nở giữa sừng trời*.** : Bút ký/ *Hoàng Nghiệp*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 199tr.; 19cm.
895.9228403/LC.0014294 - LC.0014295
- 341. *Khắc khoải mùa sim trở hoa*.** : Tập truyện ngắn/ *Nguyễn Trọng Tân*.- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 192tr.; 19cm.
895.922334/.0079052 - .0079053;M.0168532 - M.0168533;MP.0030900
- 342. *Khi cuộc chiến đi qua*.** : Tiểu thuyết/ *Vũ Minh Nguyệt*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 204tr.; 19cm.
895.92234/DT.0000103;M.0168500 - M.0168501; MP.0030857 - MP.0030858
- 343. *Ký ức khoai deo*.** : Bút Ký/ *Mai Nam Thắng*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 251tr.; 19cm.
895.9228403/LC.0014300 - LC.0014301, LC.0014523 - LC.0014524

- 344. *Ký ức ngày xanh*.** : Hồi ức/ *Trần Văn Giang*. - Tái bản lần 2.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 278tr.; 20cm.
895.9228403/LC.0014240 - LC.0014241
- 345. *Ký ức người lính*.** - H.: Thông tin và truyền thông, 2017. - 462tr.: +phụ lục; 25cm.
T.5 : Đề tri ân và hành động nhân nghĩa nhiều hơn.- 2017
895.922808/M.0168542 - M.0168543; V.0016105 - V.0016106
- 346. *Luật của rừng*.** / *Thủy Vũ*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 137tr.; 21cm.
895.922084/M.0168350 - M.0168351; MP.0030704 - MP.0030705
- 347. *Luật hấp dẫn của nụ cười*.** : Tản văn/ *Lê Đỗ Quỳnh Hương*.- TP. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2017. - 224tr.; 20cm.
895.922084/M.0168427 - M.0168428; MP.0030779 - MP.0030780
- 348. *Lửa vẫn bập bùng*.** : Truyện - Ký/ *Dương Soái*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 183tr.; 19cm.
895.92234/LC.0014296 - LC.0014297
- 349. *Ám áp hoàng hôn*.** : Ký - Tiểu luận - Tản văn/ *Nguyễn Tiến Hải*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 259tr.; 19cm.
895.92283408/LC.0014318 - LC.0014319
- 350. *Mái tóc bạch kim*.** : Truyện ngắn - Truyện dài/ *Vũ Hoàng Lâm*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 244tr.; 19cm.
895.92234/LC.0014286 - LC.0014287
- 351. *Màu rừng ruộng*.** : Tiểu thuyết/ *Đỗ Tiến Thụy*. - Tái bản lần thứ nhất.- TP. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2017. - 344tr.; 20cm.
895.92234/DT.0000082; M.0168407 - M.0168408; MP.0030759 - MP.0030760
- 352. *Mía đắng*.** : Tập truyện ngắn/ *Mai Tiến Nghi*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 200tr.; 19cm.
895.92234/LC.0014302 - LC.0014303
- 353. *1987*.** : Tự truyện. - Lần thứ 2.- TP. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2017. - 296tr.: hình vẽ; 23cm.
895.9228034/DT.0000070; M.0168382 - M.0168383; MP.0030734 - MP.0030735
- 354. *Mùa đời mùa thơ*.** : Thơ với bạn thơ/ *Nguyễn Hữu Quý*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 191tr.; 19cm.
895.9221009/LC.0014290 - LC.0014291
- 355. *Mùa hè đó gió thổi tôi đi*.** / *Hoành Oanh*.- TP. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2017. - 208tr.; 20cm.
895.9228034/M.0168431 - M.0168432; MP.0030783 - MP.0030784

356. Mùa nước đổ. : Tiểu thuyết/ *Tùng Lâm*.- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 292tr.; 21cm.

Q.1

895.92234/.0079036 - .0079037;M.0168518 - M. 0168519; MP.0030890

357. Mùa nước đổ. : Tiểu thuyết/ *Tùng Lâm*.- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 272tr.; 21cm.

Q.2

895.92234/.0079038 - .0079039;M.0168520 - M. 0168521; MP.0030891

358. Ngàn năm dưới bóng quê nhà. : Bút ký/ *Nguyễn Thị Thu Hà*.- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 220tr.; 19cm.

895.9228403/.0079046 - .0079047;M.0168528 - M.0168529;MP.0030895

359. Người về từ sông Nậm Nơn. : Tiểu thuyết/ *Nguyễn Ngọc Mộc*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 223tr.; 20cm.

895.92234/LC.0014278 - LC.0014279

360. Những dấu chân qua. : Bút ký/ *Những dấu chân qua*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 195tr.; 19cm.

895.9228403/LC.0014288 - LC.0014289

361. Những điệp viên may mắn. : Chuyện về cụm tình báo H.63 và những câu chuyện khác/ *Nguyễn Văn Tàu*.- TP. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2016. - 208tr.; 20cm.

895.92234/DT.0000088 - DT.0000089;M.0168433 - M.0168434;MP.0030785 - MP.0030786

362. Những mũi tên đồng vùng Chợ Lớn. : Truyện ký/ *Mã Thiện Đồng*.- TP. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 264tr.; 21cm.

895.92234/.0078940 - .0078941;M.0168344 - M.0168345; MP.0030698 - MP.0030699

363. Nỗi buồn đàn ông. : Trào phúng Truyện và Tạp nhạp Văn/ *Lê Văn Nghĩa*.- TP. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2017. - 196tr.; 20cm.

895.92274/DT.0000083;M.0168409 - M.0168410; MP.0030761 - MP.0030762

364. Nụ cười gừng. / *Thanh Vân Nguyễn Duy Nhường*.- TP. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 165tr.; 21cm.

895.92274/M.0168337 - M.0168338 - M.0168339; MP.0030691 - MP.0030692 - MP.0030693

365. Sáng mãi phẩm chất bộ đội Cụ Hồ. / *Nguyễn Phương Diễm*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 339tr.; 20cm.. - (Tủ sách phòng Hồ Chí Minh)

T.17

895.9228403/LC.0014270 - LC.0014271

366. *Sáng mãi phẩm chất bộ đội Cụ Hồ*. / Nguyễn Phương Diễm.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 299tr.; 20cm.. - (Tủ sách phòng Hồ Chí Minh)

T.18

895.9228403/LC.0014268 - LC.0014269

367. *85 chân dung văn hóa văn chương Việt*. / Phong Lê.- H.: Thông tin và truyền thông, 2017. - 797tr.; 24cm.

895.92209/DT.0000125 - DT.0000126;M.0168550 - M.0168551;MP.0030922 - MP.0030923;V.0016113 - V.0016114

368. *Thao thức làng đồi*. : Tiểu thuyết/ Đỗ Xuân Thu.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 252tr.; 19cm.

895.92234/LC.0014292 - LC.0014293

369. *Thăng Long - Hà Nội trong mắt một người Hà Nội*. : Tuyển tập nghiên cứu/ Nguyễn Thừa Hỷ.- H.: Thông tin và truyền thông, 2018. - 534tr.; 24cm.

895.92209/DT.0000123 - DT.0000124;M.0168548 - M.0168549;MP.0030920 - MP.0030921;V.0016111 - V. 0016112

370. *Tôi chết bắt đầu một thế giới sống*. / Nguyễn Thị Ngọc Hải.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 199tr.; 21cm.

895.92234/DT.0000040 - DT.0000041 - DT.0000042; M.0168326 - M.0168327 - M.0168328;MP.0030681 - MP. 0030682

371. *Tri ân - Tri kỷ*. : Thơ.- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 136tr.; 21cm.

895.92214/.0079040 - .0079041;M.0168522 - M. 0168523; MP.0030892

372. *Vàng trong cát*. : Ký chân dung/ Lã Quý Hưng.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 295tr.; 19cm.

895.9228403/LC.0014306 - LC.0014307

373. *Vết thương thành thị*. : Tập truyện ngắn/ Đỗ Tiến Thụy. - Tái bản lần thứ nhất.- TP. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2017. - 191tr.; 20cm.

895.92234/DT.0000081;M.0168405 - M.0168406; MP.0030757 - MP.0030758

374. *Zero*. : Tập truyện ngắn đương đại hý họa hóa/ Phạm Thị Bích Thủy.- TP. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2017. - 180tr.; 20cm.

895.92234/DT.0000087;M.0168429 - M.0168430; MP.0030781 - MP.0030782

9 - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ

375. *Thế chiến thứ ba - Chiến tranh mạng lưới*. / Valeri Korivin; Ng.dịch: Phan Xuân Loan.- TP. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2017. - 338tr.; 23cm.

909/DT.0000068 - DT.0000069;M.0168380 - M. 0168381;MP.0030732 - MP.0030733

91 – Địa lý và du hành

376. *Đi dọc Hà Nội*. : Khảo cứu/ *Nguyễn Ngọc Tiến*. - Bản in có chỉnh lý.- TP. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2017. - 363tr.; 20cm.

915.9731/DT.0000092 - DT.0000093;M.0168439 - M.0168440;MP.0030791 - MP.0030792

377. *Lam lũ những mùa hoa*. : Ký sự Đồng Tháp Mười/ *Đoàn Đại Trí*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 207tr.; 20cm

915.978/DT.0000043 - DT.0000044;M.0168329 - M.0168330;MP.0030683 - MP.0030684

378. *Tuyệt đỉnh Phnôm Pênh*. : Bút ký/ *Bích Trà*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 176tr.; 19cm.

Sách gồm tập hợp các bài bút kí viết về cuộc sống, con người, địa danh trong chuyến đi của tác giả từ Sài gòn, qua các tỉnh biên giới Tây Nam Việt Nam đến thủ đô Phnôm Pênh - Capuchia.

915.9604/LC.0014310 - LC.0014311

95 – Lịch sử Việt Nam

379. *Cách tường thuật và giải thích về cuộc khủng hoảng Tết Mậu Thân ở Việt Nam và Oa-sinh-ton của các cơ quan thông tấn và truyền hình Mỹ*. - 2007; H.: Trung tâm Thông tin khoa học công nghệ và môi trường. - 50tr.

959.7043/T.0023797

380. *Chiến lược của Mỹ qua các đời Tổng thống và nguyên nhân thất bại của Mỹ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam*. / *Bùi Đình Bôn*.- H.: Quân đội nhân dân, 2015. - 98tr.; 21cm.

959.7043373/.0079093 - .0079094

381. *Chiến tranh Việt Nam giai đoạn 1954-1975 qua sách, báo, tạp chí của một số tác giả, hãng thông tấn báo chí trong và ngoài nước*. - 1975; [?]: [?]. - 295tr.

T.3 : 1968-12/5/1975.- 1975

959.7043373/T.0023798

382. *Chủ tịch Hồ Chí Minh và các nhà lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam*. / *Phạm Ngọc Anh chủ biên*. - Xuất bản lần thứ 2.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 200tr.; 21cm.

959.70099/.0078960 - .0078961;DT.0000063 - DT. 0000064 - DT.0000065 - DT.0000066;M.0168358 - M.0168359;MP.0030724 - MP.0030725

383. *Cuộc đàm phán Pari về Việt Nam (1968-1973)*. / *Nguyễn Thành Lê*. - Xuất bản lần thứ 2 có sửa chữa, bổ sung.- H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 318tr.; 21cm.

959.7043/.0078974 - .0078975;M.0168466 - M.0168467

- 384. *Danh tướng Hoàng Đình Ái (1527-1607)*.** : Sách tham khảo/ *Hoàng Hải*. - Tái bản lần 1 có bổ sung, hiệu đính.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 222tr.; 21cm.
959.703092/.0079044 - .0079045;M.0168526 - M. 0168527;MP.0030894
- 385. *Giữ yên giấc ngủ của Người*.** . - In lần thứ 7.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 239tr.; 19cm.
957.7042092/LC.0014314 - LC.0014315
- 386. *Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô (1923 - 1938)*.** .- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 303tr.; 21cm.
959.703092/.0078920 - .0078921;DT.0000014 - DT.0000015 - DT.0000016 - DT.0000017;M.0168281 - M.0168282;MP.0030639 - MP.0030640
- 387. *Hồ Chí Minh - Tiểu sử*.** / *Chu Đức Tính*. - Xuất bản lần thứ 4.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 332tr.; 18cm.
959.704092/DT.0000053 - DT.0000054 - DT.0000055 - DT.0000056 - DT.0000057 - DT.0000058;M.0168376 - M. 0168377;MP.0030708 - MP.0030709
- 388. *Kế hoạch Tổng tiến công - Tổng khởi nghĩa 1968 của Việt Cộng - Kết toán thiệt hại cả hai bên*.** .- [?], 1969: Bộ Tổng Tham mưu - Quân lực Việt Nam Cộng hòa. - 322tr.
959.7043322/T.0023794
- 389. *Khu phi quân sự Vĩnh tuyến 17 (1954 - 1967)*.** : Sách chuyên khảo/ *Hoàng Chí Hiếu*.- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 271tr.; 20cm.
959.7043/LC.0014272 - LC.0014273
- 390. *Kỷ nguyên Park Chung Hee và quá trình phát triển thần kỳ của Hàn Quốc*.** : Sách tham khảo/ *Kim Byung-Kook, Ezra F. Vogel*.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 1082tr.; 24cm.
951.95043092/M.0168450 - M.0168451;MP.0030802 - MP.0030803;V.0016075 - V.0016076
- 391. *Lịch sử Việt Nam phổ thông*.** / *Đình Quang Hải chủ biên*.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 556tr.; 24cm.
T.7 : Từ năm 1945 đến năm 1954.
959.704/M.0168273 - M.0168274;MP.0030631 - MP. 0030632;V.0016042 - V.0016043
- 392. *Lịch sử Việt Nam phổ thông*.** / *Đình Quang Hải*.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 520tr.; 24cm.
T.8 : Từ năm 1954 đến năm 1975.
959.704/M.0168305 - M.0168306 - M.0168307; MP.0030661 - MP.0030662;V.0016054 - V.0016055
- 393. *Một số danh nhân văn hóa quân sự Việt Nam tiêu biểu*.** / *Dương Xuân Đống*.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 388tr.; 21cm.

959.70099/.0078900 - .0078901;DT.0000000 - DT.0000001 - DT.0000002 - DT.0000003;M.0168249 - M.0168250;MP.0030609 - MP.0030610

394. Một số trận đánh của lực lượng vũ trang thành phố Đà Nẵng trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975). .- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 378tr.; 21cm.

Lưu hành nội bộ

T.5.- 2017

959.704/.0079022 - .0079023;DT.0000111;MP.0030878 - MP.0030879

395. Một số vấn đề về chiến thuật trong cuộc tiến công Sài Gòn năm 1968. .- 1987; H.: Viện Lịch sử quân sự Việt Nam. - 7tr.

959.7043/T.0023796

396. Một số vấn đề về Tết Mậu Thân 1968 tại miền Nam Việt Nam. : Sách chuyên khảo/*Hồ Khang*.- H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 300tr.; 21cm.

959.7043/.0079042 - .0079043;M.0168524 - M.0168525; MP.0030893

397. Mười hai người lập ra nước Nhật. : Sách tham khảo/*Sakaiya Taichi*; Ng.dịch: *Đặng Lương Mô*. - Tái bản lần thứ 1.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 456tr.; 21cm.

952.0922/.0078902 - .0078903;M.0168251 - M.0168252; MP.0030611 - MP.0030612

398. Ấn Độ - Đất nước xã hội văn hóa. / *Lê Văn Toan, Nguyễn Thị Mai Liên*.- H.: Thông tin và truyền thông, 2017. - 500tr.; 24cm.

954/M.0168556 - M.0168557;MP.0030928 - MP. 0030929; V.0016119 - V.0016120

399. 50 chuyện kỳ thú phương Nam. / *Hà Đình Nguyên*.- TP. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2017. - 336tr.; 23cm.

959.77/DT.0000071;M.0168384 - M.0168385; MP.0030736 - MP.0030737

400. Nguyễn An Ninh - Nhà tư tưởng tiêu biểu đầu thế kỷ XX ở Nam Bộ. / *Phạm Đào Thịnh*.- H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 328tr.; 24cm.

959.703092/M.0168441;MP.0030793;V.0016066

401. Người Ấn Độ: Sự thật về lý do tại sao thế kỷ XXI sẽ là thế kỷ của Ấn Độ. / *Pavan K. Varma*.- H.: Thông tin và truyền thông, 2017. - 237tr.; 23cm.

954.053 + 954.053/M.0168564 - M.0168565; MP. 0030936 - MP.0030937;V.0016127 - V.0016128

402. Người Ấn Độ thích tranh luận. / *Amartya Sen*.- H.: Thông tin và truyền thông, 2017. - 408tr.; 23cm.

954/M.0168560 - M.0168561;MP.0030932 - MP.0030933; V.0016123 - V.0016124

403. Sài Gòn có lá me bay. / *Đỗ Quang Tuấn Hoàng*.- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 245tr.; 21cm.

959.779/DT.0000038 - DT.0000039;M.0168320 - M.0168321;MP.0030675 - MP.0030676

404. Sức mạnh dân tộc của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh. . - Xuất bản lần thứ 3.- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 364tr.; 21cm.

959.7042092/.0078954 - .0078955;M.0168364 - M.0168365;MP.0030720 - MP.0030721

405. Tiếp xúc bí mật Việt Nam - Hoa Kỳ trước hội nghị Pari. : Sách tham khảo/ *Chủ biên: Lưu Văn Lợi, Nguyễn Anh Vũ.*- H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 412tr.; 21cm.

959.7403/.0078972 - .0078973;M.0168464 - M.0168465;MP.0030816 - MP.0030817

406. Tiểu đoàn mũi nhọn nữ biệt động Sài Gòn mang tên Lê Thị Riêng 1968. .- 1987; H.: Viện Lịch sử quân sự Việt Nam. - 9tr.

959.704334/T.0023795

407. Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng. : Hồi ức/ *Võ Nguyên Giáp.*- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 366tr.; 20cm.

959.7043/LC.0014248 - LC.0014249

408. Tổng kết hoạt động tác chiến của lực lượng phòng không trong chiến dịch Trị - Thiên (30-3-1972 - 31-1-1973). / *Quách Như Thành chủ biên.*- H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 235tr.; 20cm.

Lưu hành nội bộ

959.7043/LC.0014282 - LC.0014283

409. Tù chính trị câu lưu Côn Đảo (1957-1975): Từ thực tiễn nhìn lại. : Sách tham khảo/ *Chủ biên: Đỗ Hằng, Nguyễn Thành.* - Tái bản lần 1.- H.: Quân đội nhân dân, 2015. - 688tr.; 24cm.

959.704/DT.0000151 - DT.0000152

410. Việt Nam - Những trận đánh quyết định. : Tài liệu tham khảo/ *J. Pimlott; Ng.dịch: Lê Mỹ, Lý Văn Sáu, Trần Minh.*- 1997; H.: Trung tâm Thông tin khoa học - công nghệ - môi trường. - 166Tr.

959.7043373/T.0023799

94 – Lịch sử các châu lục

411. Như mặt trời chói lọi chiếu sáng khắp năm châu. .- Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2017. - 279tr.; 24cm.

947.0841/DT.0000094;M.0168324 - M.0168325; MP.0030679 - MP.0030680;V.0016060 - V.0016061

412. Nước Nga từ nguyên thủy đến hiện đại. / *Nguyễn Quốc Hùng, Nguyễn Thị Thu.*- H.: Chính trị Quốc gia, 2017. - 704tr.; 24cm.

947/DT.0000012 - DT.0000013;M.0168279 - M.0168280; MP.0030637 - MP.0030638

97 – Địa phương cụ thể

413. *Hội nghị Pari - Cánh cửa đến hòa bình.* / Biên soạn: Vũ Văn Tâm, Trần Việt Hoa,...- H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 232tr.; 30cm.

979.7043/M.0168454 - M.0168455;MP.0030806 - MP.0030807;V.0016079 - V.0016080

414. *Nền tảng chung.* / Justin Trudeau; Ng.dịch: Lê Thùy Giang.- TP. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2017. - 318tr.; 23cm.

971.064092/DT.0000075 - DT.0000076;M.0168390 - M.0168391;MP.0030742 - MP.0030743

PHẦN II: ĐIỂM SÁCH

1. Quan hệ giữa các nước lớn và đối sách của Việt Nam/ Nguyễn Bá Dương, Nguyễn Mạnh Hưởng.-H.:Quân đội nhân dân, 2017.-284tr.;21cm.

355.597/ LC.0014245

Cuốn sách do Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Nhà giáo nhân dân Nguyễn Bá Dương - Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương, Viện trưởng Viện Khoa học Xã hội Nhân văn quân sự Bộ Quốc phòng và Đại tá, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, nghiên cứu viên cao cấp Nguyễn Mạnh Hưởng (đồng chủ biên) viết.

Nội dung gồm hai phần:

Phần thứ nhất: Những vấn đề thời sự chính trị - quân sự của thế giới hiện nay

Phần thứ hai: Đối sách của Việt Nam trước sự biến động của thế giới hiện nay.

Cuốn sách trình bày những vấn đề cơ bản nhất của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, kinh tế tri thức và toàn cầu hóa; quan hệ giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản; chiến tranh và xung đột quân sự trong thế giới đương đại; các nước lớn và cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, đặc biệt là sự cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc ở Đông Nam Á; các vấn đề an ninh phi truyền thống. Trên cơ sở đó, cuốn sách trình bày rõ quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước ta về các đối sách: Về hội nhập quốc tế, xây dựng thực lực mạnh; kế sách giữ nước; bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; kết hợp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc...

2. Sự trỗi dậy của Trung Quốc - Định hình những lựa chọn đối với một quyền lực đang lên/Thomas J. Christensen; Biên dịch: Ngụy Hải An, Vũ Tú Linh....-H.: Chính trị Quốc gia, 2017.-600tr.;24cm.

327.51073/V.0016072

Cuốn sách *Sự trỗi dậy của Trung Quốc - Định hình những lựa chọn đối với một quyền lực đang lên* (The China Challenge: Shaping the Choices of a Rising Power) (Sách tham khảo) được dịch từ nguyên bản tiếng Anh của tác giả Thomas J. Christensen; do W.W. Norton & Company, Inc. ấn hành năm 2016.

Cuốn sách gồm 2 phần:

Phần I mô tả sự trỗi dậy của Trung Quốc từ năm 1978 đến nay trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị và quân sự; phân tích về sự khác biệt đáng kể của chính trị quốc tế trong thế kỷ XXI với thế kỷ XIX, XX và lý do vì sao sự khác biệt này lại làm giảm khả năng sẵn sàng và có đủ sức đẩy Hoa Kỳ ra khỏi khu vực châu Á của Trung Quốc; thảo luận về cơ sở để Hoa Kỳ tiếp tục duy trì sự ưu việt lâu dài về kinh tế, chính trị và quân sự đối với Trung Quốc; những thách thức thực sự mà sự trỗi dậy của Trung Quốc đặt ra đối với Hoa Kỳ và các nước đồng minh; và những thách thức về an ninh, kinh tế, môi trường mà Hoa Kỳ và các nước khác đang phải đối mặt.

Phần II của cuốn sách trình bày một cách toàn diện về chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ đối với Trung Quốc từ thời chính quyền George H.W.Bush đến thời chính quyền Barack Obama, về việc Hoa Kỳ đã làm thế nào để đối phó với những thách thức từ một Trung Quốc đang trỗi dậy từ cuối Chiến tranh lạnh. Đặc biệt nội dung của Phần II đã đưa ra những gợi ý về mặt chính sách dành cho Hoa Kỳ trong quan hệ đối ngoại với Trung

Quốc, cụ thể đó là Hoa Kỳ cần phải theo đuổi một chính sách trong đó chấp nhận và thậm chí khuyến khích sự trỗi dậy của Trung Quốc trở thành một cường quốc và một chủ thể nổi bật trong nền chính trị quốc tế, nhưng đồng thời phải định hình các lựa chọn của Trung Quốc để Trung Quốc có thể từ bỏ các hành vi gây bất ổn tại Đông Nam Á và chấp nhận gánh nặng là một bên liên quan có trách nhiệm trong quản trị toàn cầu.

3. Lý luận chiến lược quân sự Trung Quốc.-H.: Tổng cục II - Bộ Quốc phòng, 2018.- 411tr.;24cm.

355.00951/T.0023802

Cuốn sách do Học viện Khoa học quân sự Trung Quốc xuất bản năm 2013 là một trong những tài liệu quan trọng trong hệ thống lý luận quân sự quốc gia của Trung Quốc, Viện 70 – Tổng cục II dịch nguyên văn, biên tập, phát hành.

Nội dung cuốn sách tập trung tổng kết thực tiễn, bổ sung lý luận chiến lược quân sự hiện đại mang màu sắc Trung Quốc, gồm: lý luận cơ bản về chiến lược, dự báo hình thái chiến lược, đổi mới tư tưởng chiến lược và xây dựng kế hoạch chiến lược trong sử dụng lực lượng quân sự.